

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**



**GIÁO TRÌNH**

**MÔN HỌC: ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM**

**NGÀNH: HƯỚNG DẪN DU LỊCH**

**TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 408/QĐ-CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch)*

**Thái Nguyên, năm 2022**

**(Lưu hành nội bộ)**

## LỜI NÓI ĐẦU

Ngay từ đầu thế kỷ XX đã có các tài liệu mô tả về địa lí của các quốc gia và các vùng trong đó có những thông tin về du lịch. Có thể coi đây là tiền đề cho sự ra đời chuyên ngành địa lí du lịch trong địa lí học. Địa lí du lịch được coi là một trong những môn cơ sở để hình thành một khoa học mới, khoa học du lịch. Trong lĩnh vực khoa học du lịch, địa lí du lịch là một hướng chuyên ngành quan trọng. Do vậy, Địa lí du lịch là một chuyên ngành của du lịch học chuyên nghiên cứu về hệ thống du lịch theo lãnh thổ phục vụ cho việc khai thác và xây dựng chiến lược khai thác không gian du lịch một cách bền vững.

Giáo trình Địa lí du lịch Việt Nam lựa chọn trình bày những nội dung được xem là quan trọng nhất đối với người học. Mục đích của giáo trình là hình thành tư duy độc lập, phản biện, sáng tạo về khoa học du lịch của người học, để có thể trở thành hướng dẫn viên du lịch.

Nhằm tạo điều kiện cho người học có một bộ tài liệu tham khảo mang tính tổng hợp, thống nhất và mang tính thực tiễn sâu hơn. Nhóm người dạy chúng tôi đề xuất và biên soạn ***Giáo trình Địa lí du lịch Việt Nam*** dành riêng cho người học trình độ Cao đẳng.

Nội dung của giáo trình bao gồm các chương sau:

### ***Chương 1. Tài nguyên du lịch và tổ chức lãnh thổ du lịch***

### ***Chương 2. Các vùng du lịch Việt Nam***

Giáo trình này dùng để giảng dạy cho sinh viên và học viên Cao đẳng Hướng dẫn du lịch của trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch. Mặc dù đã rất cố gắng, giáo trình vẫn khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định cần được tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa. Nhóm tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của độc giả, các nhà nghiên cứu để hoàn thiện giáo trình chất lượng nhất. Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng gửi về địa chỉ email của khoa khách sạn du lịch: [khoaksdl2007@gmail.com](mailto:khoaksdl2007@gmail.com).

Trân trọng cảm ơn./.

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	2
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	4
<b>GIÁO TRÌNH MÔN HỌC</b> .....	5
<b>CHƯƠNG I. TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH</b> .....	11
<b>1.1. Tài nguyên du lịch</b> .....	12
1.1.1. <i>Khái niệm tài nguyên du lịch:</i> .....	12
1.1.2. <i>Phân loại tài nguyên du lịch</i> .....	13
1.1.3. <i>Đặc điểm của tài nguyên du lịch</i> .....	21
<b>1.2. Tổ chức lãnh thổ du lịch</b> .....	23
1.2.1. <i>Khái niệm tổ chức lãnh thổ du lịch</i> .....	23
1.2.2. <i>Các hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ du lịch</i> .....	25
1.2.3. <i>Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch</i> .....	26
<b>CHƯƠNG II. CÁC VÙNG DU LỊCH VIỆT NAM</b> .....	29
<b>2.1. Vùng du lịch Bắc Bộ</b> .....	30
2.1.1. <i>Khái quát chung</i> .....	30
2.1.2. <i>Tài nguyên du lịch</i> .....	31
2.1.3. <i>Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu.</i> .....	34
2.1.4. <i>Các điểm du lịch có ý nghĩa Quốc gia và Quốc tế</i> .....	36
<b>2.2. Vùng du lịch bắc trung bộ</b> .....	37
2.2.1. <i>Khái quát chung</i> .....	37
2.2.2. <i>Tài nguyên du lịch</i> .....	38
2.2.3. <i>Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn du lịch chủ yếu.</i> .....	40
2.2.4. <i>Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc tế và quốc gia.</i> .....	41
<b>2.3. Vùng du lịch Nam trung bộ &amp; Nam Bộ</b> .....	42
2.3.1. <i>Khái quát chung</i> .....	42
2.3.2. <i>Tài nguyên du lịch</i> .....	43
2.3.3. <i>Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn du lịch chủ yếu của vùng.</i> .....	45
2.3.4. <i>Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế</i> .....	46
<b>KẾT LUẬN</b> .....	48

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Giải nghĩa</b>
<b>1</b>	TCN	Trước Công nguyên
<b>2</b>	CN	Công nguyên
<b>3</b>	CHXHCNVN	Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
<b>4</b>	NXB	Nhà xuất bản
<b>5</b>	DL	Du lịch
<b>6</b>	VN	Việt Nam
<b>7</b>	DSVH	Di sản văn hóa

# GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

## 1. Tên môn học: Địa lý du lịch Việt Nam

## 2. Mã môn học: MH19

## 3. Vị trí, tính chất của môn học:

### 3.1. Vị trí:

Giáo trình Địa lý du lịch Việt Nam thuộc nhóm các môn cơ sở ngành, trong chương trình đào tạo Cao đẳng, ngành Hướng dẫn du lịch, tại trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch

### 3.2. Tính chất:

Giáo trình cung cấp kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm cho người học liên quan đến các vấn đề chung về các vùng du lịch Việt Nam, các á vùng, tiểu vùng, trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch và khai thác nguồn tài nguyên này trong trong phát triển du lịch. Qua đó, người học đang học tập tại trường sẽ có bộ giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo của trường; dễ dàng tiếp thu cũng như vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học vào môi trường học tập và thực tế

## 4. Mục tiêu môn học:

### 4.1. Về kiến thức:

- Nhận diện và trình bày được những nội dung cơ bản liên quan đến các vùng du lịch Việt Nam, các á vùng, tiểu vùng, trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch
- Nhận thức được tầm quan trọng của các các vùng du lịch Việt Nam, các á vùng, tiểu vùng, trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch đối với hoạt động du lịch
- Nhận dạng và phân tích được thực trạng khai thác các và khai thác nguồn tài nguyên này trong trong phát triển du lịch hiện nay

### 4.2. Về kỹ năng:

- Phân tích được những cơ hội và thách thức khi khai thác các các vùng du lịch Việt Nam, á vùng, tiểu vùng, trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch
- Lựa chọn được các phương pháp bảo tồn và phát triển các vùng du lịch Việt Nam, các á vùng, tiểu vùng, trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch tại các doanh nghiệp du lịch

### 4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn, khai thác và phát các vùng du lịch Việt Nam, các á vùng, tiểu vùng, trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch tại Việt Nam trong hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch.
- Cân nhắc được các biện pháp bảo tồn, khai thác và sử dụng các các vùng du lịch Việt Nam, các á vùng, tiểu vùng, trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch tại Việt Nam trong hoạt động quản lý và kinh doanh du lịch

- Ý thức tuân thủ các nội quy quy chế về bảo tồn các các vùng du lịch Việt Nam, các á vùng, tiểu vùng, trung tâm du lịch, tài nguyên du lịch...

## 5. Nội dung môn học:

### 5.1. Chương trình khung:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, bài tập, thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH01	Chính trị	4	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
MH05	Tin học	3	75	15	58	2
MH06	Ngoại ngữ	5	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>	<b>87</b>	<b>2055</b>	<b>766</b>	<b>1201</b>	<b>88</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>17</b>	<b>255</b>	<b>241</b>	<b>-</b>	<b>14</b>
MH07	Tổng quan du lịch	3	45	43	-	2
MH08	Tâm lý du khách và kỹ năng GT	2	30	28	-	2
MH09	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	28	-	2
MH10	Lịch sử VN	3	45	43	-	2
MH11	Cơ sở văn hóa VN	3	45	43	-	2
MH12	Văn hóa các dân tộc VN	2	30	28	-	2
MH13	Marketing du lịch	2	30	28	-	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>66</b>	<b>1740</b>	<b>469</b>	<b>1201</b>	<b>70</b>
MH14	Ngoại ngữ chuyên ngành du lịch	6	90	86	-	4
MH15	Lịch sử tôn giáo	2	30	28	-	2
MH16	Lễ hội Việt Nam	2	30	28	-	2
MH17	Quản trị lễ hành	2	30	28	-	2
MH18	Di tích LS và danh thắng VN	3	45	43	-	2
<b>MH19</b>	<b>Địa lý du lịch VN</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>43</b>	<b>-</b>	<b>2</b>
MH20	Tuyến điểm du lịch VN	3	45	43	-	2
MH21	Pháp luật du lịch	2	30	28	-	2
MH22	Lý thuyết nghiệp vụ HDDL	6	90	86	-	4
MH23	Tổ chức sự kiện	2	30	28	-	2

MH24	Môi trường AN-AT trong du lịch	2	30	28	-	2
MH25	Thực hành thiết kế tour du lịch	4	120	-	108	12
MH26	Thực hành hướng dẫn du lịch	6	180	-	164	16
MH27	Thực hành viết bài thuyết minh	3	90	-	82	8
MH28	Thực hành trên thực địa	3	90	-	82	8
MH29	Thực tập TN	17	765		765	
<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4)</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>-</b>	<b>4</b>
MH30	Nghịệp vụ lễ hành	2	30	28	-	2
MH31	Nghịệp vụ nhà hàng	2	30	28	-	2
MH32	Văn hóa ẩm thực	2	30	28	-	2
MH33	Nghịệp vụ lưu trú	2	30	28	-	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>107</b>	<b>2490</b>	<b>923</b>	<b>1456</b>	<b>111</b>

## 5.2. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
<b>1</b>	<b>Chương 1. Tài nguyên du lịch và tổ chức lãnh thổ du lịch</b>	<b>14</b>	<b>14</b>		
	1. Tài nguyên du lịch	9	9		
	2. Tổ chức lãnh thổ du lịch	5	5		
<b>2</b>	<b>Chương 2. Các vùng du lịch Việt Nam</b>	<b>31</b>	<b>29</b>		<b>2</b>
	1. Vùng du lịch Bắc Bộ	10	10		
	2. Vùng du lịch Bắc Trung Bộ	9	9		
	3. Vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ	10	10		
	Kiểm tra	2			2
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>43</b>		<b>2</b>

## 6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Projektor, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập...

**6.4. Các điều kiện khác:** Người học tìm hiểu thực tế về các vấn đề chung của văn hóa, văn hóa du lịch, thực trạng và phương pháp bảo tồn các di sản văn hóa trong quản lý và kinh doanh du lịch.

## **7. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### **7.1. Nội dung:**

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:
  - + Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
  - + Nghiêm túc trong quá trình học tập.

### **7.2. Phương pháp:**

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

#### **7.2.1. Cách đánh giá**

- Áp dụng quy chế đào tạo Cao đẳng Thương mại & Du lịch Thông tư số 04/2022/TT-LĐTĐ, ban hành ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Quy chế Tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy môn học, tín chỉ của Nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 246/QĐ-CĐTMDL ngày 01/6/2022 và hướng dẫn cụ thể theo từng môn học/Modun trong chương trình đào tạo.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại & Du lịch như sau:

<b>Điểm đánh giá</b>	<b>Trọng số</b>
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

#### **7.2.2. Phương pháp đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Phương pháp tổ chức</b>	<b>Hình thức kiểm tra</b>	<b>Thời điểm kiểm tra</b>
Thường xuyên	Viết	Tự luận	Sau 10 giờ
Định kỳ	Viết	Tự luận	Sau 14 giờ Sau 44 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận	Sau 45 giờ



### 7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

## 8. Hướng dẫn thực hiện môn học

**8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:** Đối tượng Cao đẳng Thương mại & Du lịch

### 8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

#### 8.2.1. Đối với người dạy

\* **Lý thuyết:** Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận....

\* **Hướng dẫn tự học theo nhóm:** Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

**8.2.2. Đối với người học:** Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 9. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Minh Tuệ (2012). *Giáo trình Địa lý du lịch Việt Nam*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bùi Thị Hải Yến (2010). *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục Hà Nội.

3. Lê Thông (2010). *Địa lý các tỉnh và thành phố Việt Nam*. NXB Giáo dục.

4. Chu Quang Trứ (2001), *Di sản văn hoá dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Mỹ thuật, Hà Nội.

5. Chu Quang Trứ, Phạm Thị Chính, Nguyễn Thái Lai (1998), *Lược sử mỹ thuật và mỹ thuật học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6. Đinh Trung Kiên (2004), *Một số vấn đề về du lịch Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Đỗ Minh Cương (2001), *Văn hoá kinh doanh và triết lý kinh doanh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Hà Văn Cầu (2005), *Lịch sử nghệ thuật Chèo*, NXB Sân khấu. Hà Nội. Hà Văn Cầu (2001), *Chèo truyền thống và hiện đại*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
9. Hà Văn Cầu (1996), “*Múa rối nước Việt Nam*”, Tạp chí Văn hóa dân gian số 1, Hà Nội.
10. Dương Đình Minh Sơn (2009), *Ca trù cung đình Thăng Long*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Đặng Văn Lung, Hồng Thao, Trần Linh Quý (1978), *Quan họ - nguồn gốc và quá trình phát triển*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
12. Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tầng (Chủ biên, 1993), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
13. Đinh Ngọc Bảo (Chủ biên, 2012), *Một số di tích lịch sử - văn hóa Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
14. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

# CHƯƠNG I. TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH

## ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 1

Chương 1 là chương giới thiệu chung về các vấn đề về tài nguyên du lịch Việt Nam, tổ chức lãnh thổ du lịch, giúp người học để người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học ở những chương tiếp theo.

## ❖ MỤC TIÊU

### \* Về kiến thức

+ Ghi nhớ được khái niệm và các nội dung có liên quan về tài nguyên du lịch Việt Nam

+ Nhận diện được các cách phân loại tổ chức lãnh thổ du lịch

### \* Về kỹ năng

+ Nhận diện được tầm quan trọng của kỹ năng thu thập, xử lý và lựa chọn thông tin

+ Vận dụng được các nội dung về tài nguyên du lịch Việt Nam, tổ chức lãnh thổ du lịch khi học tập và nghiên cứu các môn học thiết kế tour du lịch.

### \* Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

+ Chịu trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức, kỹ năng trong thực tiễn khai thác tài nguyên du lịch Việt Nam, tổ chức lãnh thổ du lịch trong hoạt động kinh doanh du lịch.

+ Tiếp nhận tốt các yêu cầu, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ bài học được giao.

## ❖ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực (diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận và bài tập chương 1 (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận và bài tập tình huống chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

## ❖ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- **Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:** Không

- **Trang thiết bị máy móc:** Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- **Các điều kiện khác:** Không có

## ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

### \* Nội dung:

- *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*

- *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*

+ *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*

+ *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*

+ *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*

+ *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*

### \* Phương pháp:

+ *Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 bài (HS1)*

+ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 bài (HS2)*

## ❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 1

### 1.1. Tài nguyên du lịch

#### 1.1.1. Khái niệm tài nguyên du lịch:

Tài nguyên du lịch cũng có một số đặc điểm giống tài nguyên nói chung ngoài ra cũn cú những đặc điểm riêng, có nhiều các khái niệm khác nhau về tài nguyên du lịch như sau:

Theo Pirojnik: “TNDL là những tổng thể tự nhiên, văn hóa – lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực và tinh thần của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, trong cấu trúc nhu cầu du lịch hiện tại và tương lai, trong khả năng kinh tế, kỹ thuật cho phép, chúng được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ du lịch và nghỉ ngơi”.

Theo Nguyễn Minh Tuệ và cộng sự cũng cho rằng: TNDL là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục, phát triển thể lực, tri tuệ của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ. Những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”

Theo các nhà khoa học du lịch Trung Quốc định nghĩa là: “ Tất cả giới tự nhiên và xó hội loài người có sức hấp dẫn khách du lịch, có thể sử dụng cho ngành du lịch, có thể sản sinh ra hiệu quả kinh tế - xó hội và mục trường đều có thể gọi là TNDL”.

Theo Khoản 4 (Điều 4, chương 1) Luật du lịch Việt Nam 2005: “*Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được*

sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

### **1.1.2. Phân loại tài nguyên du lịch**

#### **1.1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

##### **a. Khái niệm:**

Tài nguyên du lịch tự nhiên là các đối tượng và hiện tượng trong môi trường tự nhiên bao quanh chúng ta. ở một địa phương nào đó tự nhiên tác động đến người quan sát qua hình dạng bên ngoài của bản thân nó.

Sự tiếp cận bên ngoài của tự nhiên gọi là phong cảnh. Trong đó tự nhiên chỉ tham gia với những đặc điểm của mình mà có thể quan sát bằng mắt thường. Đó là hình rặng bề mặt trái đất, thực vật và nguồn nước.

##### **b. Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên:**

###### **\* Địa hình**

+ Địa hình là một thành phần quan trọng của tự nhiên, là nơi diễn ra mọi hoạt động của con người. Đối với hoạt động du lịch, các dạng địa hình tạo nền cho phong cảnh. Một số kiểu địa hình đặc biệt và các di tích tự nhiên có giá trị phục vụ cho nhiều loại hình du lịch.

+ Địa hình miền núi thường có nhiều ưu thế hơn đối với các hoạt động du lịch nhờ sự kết hợp của nhiều dạng địa hình, có nhiều đối tượng cho hoạt động du lịch như sông, suối, thác nước, hang động, rừng cây với hệ động, thực vật phong phú, đa dạng

+ Các kiểu địa hình ở nước ta tương đối đa dạng và đặc sắc được khai thác để phát triển hoạt động du lịch như :

Các vùng núi có phong cảnh đẹp: Có nhiều vùng núi có phong cảnh đẹp đó được phát hiện và khai thác phục vụ cho mục đích du lịch như TP Đà Lạt (Lâm Đồng), Sa Pa, Bắc Hà (Lào Cai), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Ba Vì (Hà Nội), Bạch Mã (Huế), Bà Nà (Đà Nẵng).

Các vùng hồ tự nhiên và nhân tạo như hồ Ba Bể (Bắc Kạn), hồ Hoà Bình (Hoà Bình), hồ Thác Bà (Yên Bái), hồ Đồng Mao (Hà Tây)...

Các bãi biển: Nước ta có đường bờ biển dài 3260km với khoảng 125 bãi biển có bãi cát bằng phẳng, trắng mịn, độ dốc trung bình 1-3°, đủ các điều kiện để thuận lợi để khai thác phục vụ phát triển du lịch biển, an dưỡng, nghỉ ngơi, giải trí. Các bãi biển ở nước ta phân bố trải dài từ Bắc vào Nam tiêu biểu có các bãi biển như: Trà Cổ (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hoá), Cửa Lò (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Nhật Lệ (Quảng Bình), Cửa Tùng (Quảng Trị), Thuận An (Huế), Cảnh Dương, Lăng Cô (Huế), Non Nước, Mỹ Khê (Đà Nẵng), Cửa Đại (Hội An), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Nha Trang (Khánh Hoà), Cà Ná (Ninh Thuận), Mũi Né (Bình Thuận), Vũng Tàu...

Các hang động: Các hang động ở nước ta chủ yếu là các hang động nằm trong các vùng núi đá vôi có kiểu địa hình karst rất phát triển.

+ Kiểu địa hình karst được hình thành do hoà tan và ngưng đọng carbonat hình thành nên các nhũ đá, măng đá, nấm đá, chuông đá, cột đá đa dạng, phức tạp, đẹp kỳ diệu trong các hang động. Nhiều nơi đá bị mài mòn tạo nên những công trời, rùng đá, cầu đá, giếng đá rất kỳ thú.

#### \* **Khí hậu**

+ Khí hậu là thành phần quan trọng của tự nhiên sớm được khai thác như một dạng tài nguyên du lịch quan trọng. Các điều kiện được xem như các tài nguyên khí hậu của du lịch cũng rất đa dạng và được khai thác để phục vụ cho mục đích du lịch khác nhau.

+ Tài nguyên khí hậu thích hợp với sức khoẻ con người. Tài nguyên khí hậu là tổng hợp của các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm và một số các yếu tố khác như áp suất, không khí, gió, ánh nắng mặt trời thích hợp nhất với sức khoẻ con người tạo cho con người các điều kiện sống thoải mái, dễ chịu nhất.

Tài nguyên khí hậu thích hợp cho việc chữa bệnh, an dưỡng ( Các điều kiện khí hậu có liên quan nhiều đến việc chữa bệnh, thậm chí cũn được coi như một liệu pháp quan trọng. Một số bệnh về huyết áp, tim mạch, thần kinh, hô hấp rất cần thiết được điều trị có sự kết hợp giữa các biện pháp y học với các điều kiện thiên nhiên. Các điều kiện thuận lợi về áp suất không khí, nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, lượng ôxy và độ trong lành của không khí rất hiệu quả trong việc chữa bệnh và an dưỡng, có tác dụng nhanh chóng làm lành bệnh và phục hồi sức khoẻ của con người. Phần lớn các nhà an dưỡng, nhà nghỉ ở nước ta đó được xây dựng ở các điểm du lịch ven hồ nước, ven biển và ở các vùng núi có khí hậu tốt, thích hợp như các suối nước khoáng Bình Châu, Thanh Tân, Kim Bôi...)

Tài nguyên khí hậu phục vụ cho việc triển khai các loại hình du lịch thể thao, vui chơi, giải trí. Các loại hình du lịch thể thao, vui chơi giải trí như nhảy dù, tàu lượn, khinh khí cầu, thả diều, thuyền buồm...rất cần thiết cho các điều kiện thời tiết thích hợp như hướng gió, tốc độ gió, quang mây, không có sương mù.

Tài nguyên khí hậu phục vụ cho việc triển khai các hoạt động du lịch. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du lịch, số ngày có thời tiết tốt, nắng ráo, không có mưa hoặc không có diễn biến thời tiết phức tạp nhiều khi cũng được xem như nguồn tài nguyên khí hậu có thể khai thác để phục vụ mục đích du lịch

+ Trong các chỉ tiêu khí hậu, chú ý nhất là hai chỉ tiêu: nhiệt độ không khí và độ ẩm không khí. Ngoài ra còn có một số yếu tố khác như gió, lượng mưa, áp suất của khí quyển, ánh nắng mặt trời và các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

+ Điều kiện khí hậu ảnh hưởng đến việc thực hiện các chuyến du lịch hoặc hoạt động dịch vụ về du lịch.

+ Tính mùa vụ của du lịch chịu tác động chủ yếu của nhân tố khí hậu. Các vùng khác nhau có tính mùa du lịch không như nhau do ảnh hưởng của các thành phần khí hậu.

### \* Thủy văn

Đối với hoạt động du lịch, thủy văn cũng được xem như một dạng tài nguyên quan trọng. Nhiều loại hình du lịch gắn bó với đối tượng nước. Các đối tượng nước chính sau đây đó được khai thác như tài nguyên du lịch.

**Bề mặt nước và các bãi nông ven bờ:** Bề mặt nước là mặt thoáng tạo nên phong cảnh đẹp, yên bình. Các bãi biển hoặc các bãi ven hồ thường được sử dụng để tắm mát, dạo chơi và các hoạt động thể thao nước như bơi lội, đua thuyền, lướt ván.

VD: Ở nước ta, dòng sông Hương thơ mộng, các sông ngòi, kênh rạch chằng ở đồng bằng sông Cửu Long, các hồ nước thiên nhiên và nhân tạo rộng lớn và nhiều phong cảnh đẹp như hồ Ba Bể, hồ Tây, hồ Hoà Bình, các bãi biển...đều là những điểm du lịch có sức hấp dẫn rất cao đối với khách du lịch.

**Các điểm nước khoáng, suối nước khoáng:** Các điểm nước khoáng, suối nước khoáng là TN thiên nhiên rất quý giá để triển khai các loại hình du lịch tham quan nghỉ dưỡng, chữa bệnh cho khách du lịch, đặc biệt với một số bệnh về vận động, thần kinh, tiêu hoá, da liễu và nội tiết. Nguồn nước khoáng nóng ở nước ta khá dồi dào, có tới trên 80% tổng số nguồn có nhiệt độ cao trên 35°C, đó là điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch quanh năm, nhất là trong thời kỳ mùa đông tương đối lạnh ở miền Bắc nước ta. Các nguồn nước khoáng như Vĩnh Hảo (Ninh Thuận), Mỹ Lâm (Tuyên Quang), Kim Bôi (Hoà Bình), Thanh Tồn (Huế), Bình Châu (Vũng Tàu)...đó được khai thác phục vụ đông đảo khách du lịch từ nhiều năm nay.

### \*Thực - động vật

Để phục vụ cho mục đích du lịch khác nhau, người ta đưa ra các chi tiêu về du lịch tham quan tài nguyên thực, động vật sau đây:

+ Chỉ tiêu phục vụ mục đích tham quan du lịch:

- Thảm thực vật phong phú, độc đáo và điển hình
- Có loài đặc trưng cho khu vực, loài đặc hữu, loài quý hiếm đối với thế giới và trong nước.
- Có một số động vật ( thú, chim, bò sát,...) phong phú hoặc điển hình cho vùng
- Có các loại khai thác đặc sản phục vụ nhu cầu khách du lịch
- Thực động vật có màu sắc hấp dẫn, vui mắt, một số loài phổ biến dễ quan sát bằng mắt thường, ống nhòm hoặc nghe tiếng hót, tiếng kêu và có thể chụp ảnh được.

- Đường sá ( đường mòn) thuận tiện cho việc đi lại quan sát, vui chơi của khách.
- + Chỉ tiêu đối với du lịch săn bắn thể thao: Quy định loài được săn là loài phổ biến, không ảnh hưởng đến số lượng, khu vực dành cho săn bắn thể thao phải tương đối rộng, bảo đảm tầm bay của đạn, và đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách du lịch. Phải cấm dùng súng quân sự, mìn và các chất nổ nguy hiểm khác.
- + Đối với mục đích du lịch nghiên cứu khoa học:
  - Nơi có hệ thực, động vật phong phú và đa dạng
  - Nơi còn tồn tại loài quý hiếm
  - Nơi có thể đi lại quan sát, chụp ảnh
  - Có quy định thu mẫu của cơ quan quản lý...

### ***c. Bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên***

Một trong những vấn đề quan trọng của địa lý du lịch là bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên.

- Bảo vệ môi trường sống và nghỉ ngơi là một bộ phận không thể thiếu được của chính sách sinh thái toàn vẹn. Bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên cũng có nghĩa là bảo vệ môi trường sống cho hoạt động du lịch chứ không phải là bảo vệ du lịch.
- Bảo vệ tài nguyên du lịch là vấn đề sinh tử của hệ thống nghỉ ngơi, du lịch. Có thể nói rằng, du lịch và bảo vệ môi trường sống là hai hoạt động bổ xung và hỗ trợ cho nhau. Hoạt động bảo vệ tự nhiên tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nghỉ ngơi- du lịch. Chính vì vậy, đối với du lịch phải quan tâm đến việc bảo vệ môi trường tự nhiên, nhất là những nơi tập trung những nguồn tài nguyên du lịch.
- Du lịch cũng có thể gây ảnh hưởng xấu tới điều kiện sống và nghỉ ngơi. “ ô nhiễm du lịch” do sử dụng tài nguyên du lịch không đúng đắn. ví dụ, bãi tắm biển bị ô nhiễm bởi rác rưởi
- Bảo vệ môi trường tự nhiên là nhiệm vụ kinh tế xã hội. Trong việc sử dụng đúng đắn môi trường tự nhiên du lịch là một bộ phận đáng được quan tâm.

### ***d. Việc ghi các tài sản tự nhiên vào danh sách di sản thế giới***

Theo công ước về di sản thế giới, “di sản thiên nhiên”: là các công trình thiên nhiên hợp thành bởi những thành tạo vật lý và sinh học hoặc những nhóm thành hệ có một giá trị toàn cầu, đặc biệt về thẩm mỹ hoặc khoa học; các thành hệ địa chất và địa văn, các miền được phân định danh giới rõ ràng làm nơi sinh sống của các loài động vật và thực vật bị đe dọa, có một giá trị toàn cầu đặc biệt về khoa học hoặc bảo tồn; các địa điểm tự nhiên hoặc các vùng tự nhiên được phân định ranh giới rõ ràng, có giá trị toàn cầu, đặc biệt về các mặt khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp thiên nhiên.

***\* Tiêu chuẩn một di sản thiên nhiên được đề xuất để ghi vào danh sách di sản thế giới:***



1. Là những mẫu hết sức tiêu biểu cho các giai đoạn tiến hoá của trái đất.
2. Là những mẫu hết sức tiêu biểu cho các quá trình địa chất đang diễn biến, cho sự tiến hoá sinh học và tác động qua lại giữa con người và môi trường thiên nhiên
3. Có những hiện tượng, thành tạo hoặc điều kiện tự nhiên hết sức nổi bật, như những mẫu tiêu biểu nhất cho những hệ sinh thái quan trọng nhất, những phong cảnh tuyệt đẹp, hoặc những tổ hợp đặc sắc có yếu tố thiên nhiên và văn hoá.
4. Bao gồm những nơi cư trú tự nhiên quan trọng nhất và tiêu biểu nhất, trong đó còn sống sót những loại thực vật và động vật bị đe dọa và có giá trị toàn cầu, đặc biệt về mặt khoa học hoặc bảo tồn.

Ngoài những tiêu chuẩn trên đây, ***các địa điểm đó còn phải đáp ứng các điều kiện về tính toàn vẹn sau đây***

+ Những địa điểm mô tả ở mục 1 phải bao gồm toàn bộ hoặc phần lớn những thành phần chủ yếu liên quan với nhau hoặc phụ thuộc lẫn nhau trong mọi quan hệ tự nhiên. / Chẳng hạn một miền thuộc “thời kỳ đóng băng” phải bao gồm bãi tuyết, đóng băng cũng như các dạng điển hình xói mòn do đóng băng, các trầm tích và các di thực vật (các vết khía do băng, )

+ Những địa điểm mô tả ở mục 2 phải khá rộng lớn và bao gồm các thành phần cần thiết cho việc minh hoạ các khía cạnh chủ yếu của quá trình đó và cho sự sinh sản của chúng.

+ Những địa điểm mô tả ở mục 3 phải bao gồm những thành phần của hệ sinh thái cần thiết cho sự bảo tồn của các loài hay là sự nối tiếp của các quá trình hoặc các thành phần thiên nhiên cần được bảo tồn.

+ Những địa điểm chứa đựng những loài bị đe dọa như các loài mô tả ở mục 4 phải khá rộng lớn và bao gồm những yếu tố về nơi cư trú cần thiết cho sự sống còn của các loài tồn tại.

+ Trường hợp đối với các loài di cư, những vùng cư trú theo mùa cần thiết cho sự tồn tại của các loài, bất kể chúng ở đâu phải được bảo vệ thích đáng. Ủy ban di sản thế giới phải được đảm bảo là các biện pháp cần thiết sẽ được thi hành để các loài được bảo vệ thích đáng suốt chu kỳ sống của chúng.

### ***1.1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hoá nhân văn***

#### ***a. Khái niệm***

Tài nguyên du lịch nhân văn là các đối tượng và hiện tượng xã hội cùng các giá trị văn hoá, lịch sử của chúng có sức hấp dẫn đối với du khách và được khai thác để kinh doanh du lịch.

#### ***+ Đặc điểm tài nguyên du lịch văn hoá nhân văn***

- Tài nguyên du lịch nhân văn khác TNDLTN ở chỗ nó có thể bị xuống cấp, thậm chí mất đi ngay cả khi không khai thác. Nhiều di tích lịch sử, tôn giáo,

văn hoá bị bỏ hoang ngày càng xuống cấp trầm trọng. Những làn điệu dân ca có thể biến mất nếu không được khai thác có hiệu quả.

- Tài nguyên du lịch nhân văn thường ở gần điểm dân cư vì nó đc sinh ra trong quá trình ph.triển của XH, là sản phẩm của XH. Khác với TNDLTN, việc khai thác TNDLNV thường ít chịu ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh do thời tiết gây nên.

### **b. Các loại tài nguyên du lịch văn hoá nhân văn**

#### **\* Di tích lịch sử - văn hoá:**

DTLSVH là những công trình xây dựng và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử- văn hoá và khoa học (*Theo Luật DSVH của Việt Nam năm 2003*).

+ DTLSVH trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các nghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch quý giá.

#### **+ ở Việt Nam:**

- Di tích được xếp hạng hiện nay đã có 2593 di tích được Bộ Văn hoá và Thông tin công nhận xếp hạng di tích quốc gia, 40.000 di tích có ý nghĩa địa phương. Chúng bao gồm:
  - 1- Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu những sự kiện, những mốc lịch sử quan trọng của dân tộc (của địa phương) trong các thời kì lsử.
  - 2- Công trình kiến trúc nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị có giá trị tiêu biểu tr các giai đoạn phát triển nghệ thuật ktrúc của dân tộc (của địa phương).
  - 3- Địa điểm khảo cổ đánh dấu các giai đoạn phát triển của văn hoá khảo cổ
  - 4- Cảnh quan thiên nhiên đẹp nổi tiếng hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị.
- Di tích khảo cổ (1,3%) là những địa điểm, những đối tượng đc phát hiện minh chứng cho một nền vhoá khảo cổ nhất định
- Di tích lsử cmạng (27,5%) là những địa điểm, hiện vật đánh dấu những sự kiện quan trọng trong tki đtranh cmạng và xây dựng đất nước VNXHCN
- Di tích lịch sử tôn giáo, tín ngưỡng (31,9%): do đặc điểm của văn hoá phương Đông, những di tích có liên quan với các vị anh hùng có công với đất nước đều trở thành nơi thờ cúng. Vì vậy tất cả các di tích trước cách mạng đều mang màu sắc tôn giáo, tín ngưỡng
- Di tích kiến trúc nghệ thuật (37.4%): nhiều di tích lịch sử là những công trình kiến trúc có giá trị, có những nét đặc thù cho một thời kì lịch sử hay một địa phương nào đó.
- Danh lam thắng cảnh (3,6%). Hầu như nhiều thắng cảnh của VN đều có gắn với những sự tích, với di tích lịch sử... Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ và khoa học.
- Các công trình đương đại: Cầu Thăng Long, Long Biên, Khu trung tâm hội nghị quốc gia, sân vận động Mỹ Đình

### \* Di sản văn hoá thế giới:

- Các tiêu chuẩn để công nhận là DSVHTG gồm:
    - 1- Là tác phẩm nghệ thuật độc nhất vô nhị, thành phố hàng đầu của tài năng con người.
    - 2- Có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển của nghệ thuật ktrúc..trong một thời kì nhất định.
    - 3- Là chứng cứ xác thực cho 1 nền văn minh đã biến mất.
    - 4- Cung cấp một ví dụ hùng hồn cho 1 thể loại xây dựng or kiến trúc phản ánh 1 giai đoạn lịch sử nhất định.
    - 5- Cung cấp 1 ví dụ hùng hồn về 1 dạng nhà ở truyền thống, nói lên 1 nền văn hoá đang có nguy cơ bị huỷ hoại..
    - 6- Có mối quan hệ trực tiếp với những sự kiện, tín ngưỡng đáp ứng những tiêu chuẩn xác thực về ý tưởng sáng tạo..
  - Tính đến năm 2011, 936 di sản được liệt kê, trong đó:
    - 725 di sản về văn hóa
    - 183 di sản về những khu thiên nhiên
    - 28 di sản thuộc cả hai loại.
- > Tại 153 quốc gia.

### \* Lễ hội:

#### + **Quan niệm:**

- Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá tập thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả, là nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân và là tài nguyên DL hấp dẫn du khách
- Là dịp để vui chơi giải trí, tăng thêm tình đoàn kết cộng đồng.

#### + **Mục đích của LH:**

- Nhằm giáo dục truyền thống tốt đẹp của dtộc về lịch sử - văn hoá trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.
- Tưởng nhớ công đức các danh nhân lịch sử - văn hoá, những người có công ích với dân với nước (nhân thần, nhiên thần).

#### + **Nội dung lễ hội:** Bao gồm 2 phần: phần lễ và phần hội

- Phần lễ: được tổ chức để tưởng niệm về 1 sự kiện lịch sử trọng đại, tưởng niệm vị anh hùng dân tộc, cầu mong những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Phần nghi lễ trong LH có ý nghĩa thiêng liêng chứa đựng những giá trị văn hoá truyền thống, giá trị thẩm mỹ và tư duy triết học của cộng đồng. Phần nghi lễ giữ vai trò quan trọng là hạt nhân của LH, được tổ chức long trọng cầu kỳ, chiếm nhiều thời gian hơn phần hội
- Phần hội: thường tổ chức vui chơi giải trí, biểu diễn văn hoá nghệ thuật. Đặc điểm này vừa làm cho LH thêm sống động, vui nhộn, phong phú, hấp dẫn

#### + **Thời gian LH:** mùa xuân + mùa thu ---> Điểm hạn chế: có tính thời vụ

+ **Quy mô LH:**

- Lễ hội địa phương: Là LH diễn ra trong phạm vi một địa phương
- Lễ hội quốc gia: VD : Lễ hội chùa Hương kéo dài 3 tháng
- Lễ hội dân gian truyền thống: Là lễ hội ra đời và phát triển trong lòng XH nông nghiệp, mốc tính là từ năm 1945 trở về trước
- Lễ hội văn hoá DL: Là LH bao gồm nhiều hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể thao, DL, hội thảo, hội chợ triển lãm... nhằm tôn vinh những giá trị văn hoá lịch sử của địa phương nói riêng và của đất nước nói chung. Qua đó tạo lập hình ảnh, đất nc, con người, văn hoá và DL của vùng hoặc của địa phương. Mục đích cuối cùng là để quảng bá DL và giao lưu văn hóa quốc tế và khu vực cũng như tìm kiếm các cơ hội hợp tác và kinh doanh

\* **Các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học:**

Những điều kiện sinh sống, sản xuất, phương thức sản xuất, kiến trúc, trang trí nhà ở, nghề thủ công truyền thống, văn hoá nghệ thuật, văn hoá ẩm thực, lễ hội, các phong tục, tập quán với những sắc thái riêng của các tộc người trên những địa bàn sinh sống của họ

\* **Các làng nghề truyền thống:**

+ Làng nghề thủ công truyền thống là những làng có các nghề sản xuất hàng hoá bằng các công cụ thô sơ và sức lao động của con người đã được hình thành trong một thời gian dài trong lịch sử, nghệ thuật sản xuất hàng hoá được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở trong làng. Sản phẩm hàng hoá được sản xuất không chỉ đáp ứng nhu cầu ở trong làng mà còn được bán ở thị trường trong nước và quốc tế.

+ Khi du khách tham quan, nghiên cứu ở các làng nghề thủ công truyền thống, họ không chỉ tìm hiểu, thưởng thức những giá trị nghệ thuật sản xuất nghề, mua những sản phẩm thủ công làm quà cho người thân của mình mà còn là dịp để du khách có thể tìm hiểu, trải nghiệm, hưởng thụ những giá trị văn hoá tốt đẹp, đặc sắc của các làng nghề thủ công truyền thống

+ Vấn đề đô thị hoá sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến các làng nghề thủ công truyền thống, có những mặt tích cực như thúc đẩy sự giao lưu buôn bán các sản phẩm thủ công truyền thống của các làng nghề, thu hút nhiều khách tham quan nhưng bên cạnh đó nó cũng có nhiều mặt hạn chế như: khi quá trình đô thị hoá tăng sẽ làm cho người dân trong các làng nghề có xu hướng chuyển nghề để làm ăn, buôn bán dễ hơn -> Làm cho các làng nghề có nguy cơ bị mai một.

\* **Các đối tượng văn hoá - thông tin và các hoạt động nhận thức khác**

- + Các thư viện
- + Các viện nghiên cứu
- + Các viện bảo tàng ...

**c. Vấn đề bảo vệ tài nguyên du lịch văn hoá nhân văn**

- + Tu sửa, tôn tạo

+ Giáo dục, tuyên truyền tất cả mọi người cùng giữ gìn TNDL nhân văn...

### **1.1.3. Đặc điểm của tài nguyên du lịch**

***a. Tài nguyên du lịch rất phong phú và đa dạng, trong đó nhiều tài nguyên đặc sắc và độc đáo có sức hấp dẫn rất lớn đối với khách du lịch***

+ Tài nguyên du lịch là điều kiện cần để tạo ra sản phẩm du lịch, tài nguyên du lịch càng đa dạng và phong phú thì sản phẩm du lịch càng phong phú nhằm thoả mãn nhu cầu đa dạng của khách du lịch.

*VD: Để thoả mãn nhu cầu tham quan, tìm hiểu để nâng cao nhận thức của khách du lịch thì tài nguyên du lịch có thể là các lễ hội, các sinh hoạt truyền thống của một Vùng chợ, của một số các dân tộc ít người, các di tích lịch sử, văn hoá, các bảo tàng, các thác nước, hồ, sông, suối, các hang động, các cánh rừng nguyên sinh với sự đa dạng sinh học cao.....*

+ Bên cạnh sự đa dạng, phong phú về các loại tài nguyên, thì có nhiều tài nguyên đặc sắc và độc đáo có sức hấp dẫn rất lớn đối với khách du lịch như:

- Thế Giới có 7 kỳ quan TG hiện đại (7/7/2007)
  2. Di tích của người Inca Machu Picchu ở Cuzco (Peru).
  3. Taj Mahal ở thành phố Agra của Ấn Độ.
  4. Tượng Chúa Cứu thế trên đỉnh núi Corcovado ở Rio de Janeiro (Brazil).
  5. Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc.
  6. Thành phố Petra của Jordan
  7. Di tích Colosseum ở Rome, Italy
  8. Chichen-Itza ở Mexico.
- Ở Việt Nam có 12 di sản được UNESCO công nhận là di sản Thế Giới:
  1. Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh được công nhận :
    - Lần 1: 12/1994 do giá trị về cảnh quan của vịnh Hạ Long.
    - Lần 2: 12/2000 do giá trị địa chất địa mạo
  2. Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình (13/7/2003).
  3. Quần thể di tích cố đô Huế (17/12/1993)
  4. Nhã nhạc cung đình Huế (16/11/2003)
  5. Đô thị cổ Hội An, Quảng Nam (12/1999)
  6. Thánh địa Mỹ Sơn, Quảng Nam (12/1999)
  7. Không gian văn hoá công chiêng Tây Nguyên (2005)
  8. Ca trù và quan họ Bắc Ninh (1&2/10/2009)
  9. Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội (1/8/2010)
  10. Thành nhà Hồ, Thanh Hóa (21/6/2011)
  11. Lễ hội Gióng - Đền Gióng, Sóc Sơn, HN và Đền Phù Đổng, Gia Lâm, HN (17/11/2010)

## 12. Hát xoan Phú Thọ (24/11/2011)

### ***b. Tài nguyên du lịch không chỉ có giá trị hữu hình mà còn có những giá trị vô hình***

- Đây có thể được xem là một trong những đặc điểm quan trọng của tài nguyên du lịch, khác với những nguồn tài nguyên khác.
- Giá trị vô hình thể hiện giá trị chiều sâu văn hoá lịch sử, phụ thuộc vào khả năng nhận thức, đánh giá của khách du lịch.

*VD: Đối với các tài nguyên như nhã nhạc cung đình Huế hoặc khúng gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên. Người ta chỉ thật sự cảm nhận được giá trị của các tài nguyên này thông qua tiếng nhạc, tiếng công chiêng vỡ cốc ý nghĩa khi dựng những nhạc cụ, dàn nhạc này chứ không thể sờ, bắt được âm thanh hoặc không thể cảm nhận giá trị chỉ dựa vào các nhạc cụ trong dàn nhạc hoặc thông qua những chiếc công, chiêng được.*

### ***c. Tài nguyên du lịch có tính sở hữu chung***

- Theo Luật Du Lịch Việt Nam, năm 2005 điều 7, mục 1 quy định: “Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch. Và tại Điều 5, mục 4 Luật Du lịch Việt Nam, năm 2005 cũng quy định: “Nhà nước ta đảm bảo sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư trong phát triển du lịch”.
- Việc khai thác TNDL là quyền của mọi doanh nghiệp du lịch. Không có cá nhân hoặc doanh nghiệp nào được độc quyền tổ chức các tour du lịch, khai thác TNDL tại bất cứ điểm du lịch nào...

### ***d. Tài nguyên du lịch có thời gian khai thác khác nhau***

- Trong số các tài nguyên du lịch, có những tài nguyên có khả năng khai thác quanh năm như các tài nguyên nhân văn là các di tích, lịch sử, bảo tàng... Và cũng có những tài nguyên chỉ khai thác vào một số thời điểm trong năm, phụ thuộc chủ yếu vào thời tiết và chính điều này tạo nên tính thời vụ trong du lịch.
- Đối với các tài nguyên biển, thời gian khai thác thích hợp nhất là vào thời kỳ có khí hậu nóng bức trong năm.
- Đối với nguồn tài nguyên nhân văn là các lễ hội thì thời điểm hoạt động du lịch, thu hút khách trùng với thời gian diễn ra lễ hội. Thời gian diễn ra lễ hội thường gắn với đặc điểm tôn giáo, hoặc đặc điểm hình thành cốc lễ hội đó và mùa xuân là mùa của lễ hội với các lễ hội nổi tiếng như lễ hội chùa Hương, lễ hội Đền Hùng (mùng 10 tháng 3), Hội Lim (ngày 13 tháng giêng), Lễ hội đền Cỗ Loa (từ ngày 6 đến 16 tháng giêng), Hội Gióng, Hội Đông Đa...

### ***e. Tài nguyên du lịch được khai thác tại chỗ để tạo ra các sản phẩm du lịch***

- Khác với cốc sản phẩm hàng hoá khác là sau khi sản xuất, chế biến thành sản phẩm thì có thể vận chuyển đến nơi khác để tiêu thụ nhưng đối với sản phẩm du lịch thì khác. Khách du lịch muốn sử dụng sản phẩm du lịch thì phải đến

tận nơi có nguồn tài nguyên du lịch được khai thác tạo thành sản phẩm du lịch đó để thưởng thức. Tức là quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xảy ra đồng thời.

- Chính vì đặc điểm khách du lịch phải đến tận các điểm du lịch, nơi có tài nguyên du lịch và thưởng thức các sản phẩm du lịch nên muốn khai thác các tài nguyên này điều đầu tiên cần quan tâm là phải chuẩn bị tốt các cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, phương tiện vận chuyển khách du lịch...

*VD: Khách muốn tham quan vịnh Hạ Long, tiêu dùng cốc sản phẩm du lịch ở Hạ Long thì bắt buộc khách phải đến Hạ Long thì mới có thể tiêu dùng các sản phẩm du lịch ở đây được chứ không ai có thể mang Hạ Long đến nhà cho khách dùng được.*

#### ***f. Tài nguyên du lịch có thể sử dụng nhiều lần***

- Đặc điểm của các tài nguyên tạo nên sản phẩm du lịch là bán quyền sử dụng chứ không bán quyền sở hữu, chính vì thế với cùng một nguồn tài nguyên tạo nên sản phẩm du lịch có thể bán cho nhiều đối tượng khách khác nhau vào rất nhiều lần.
- Tài nguyên du lịch được xếp vào loại tài nguyên có khả năng tái tạo và sử dụng lâu dài. Vấn đề chính là phải nắm được quy luật của tự nhiên, lường trước được sự thử thách khắc nghiệt của thời gian và những biến động, đổi thay do con người gây nên. Từ đó có định hướng lâu dài và các biện pháp cụ thể để khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch, khung ngừng bảo vệ và tôn tạo và hoàn thiện tài nguyên nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển.

#### ***1.1.4. Vai trò của Tài nguyên du lịch trong việc phát triển du lịch***

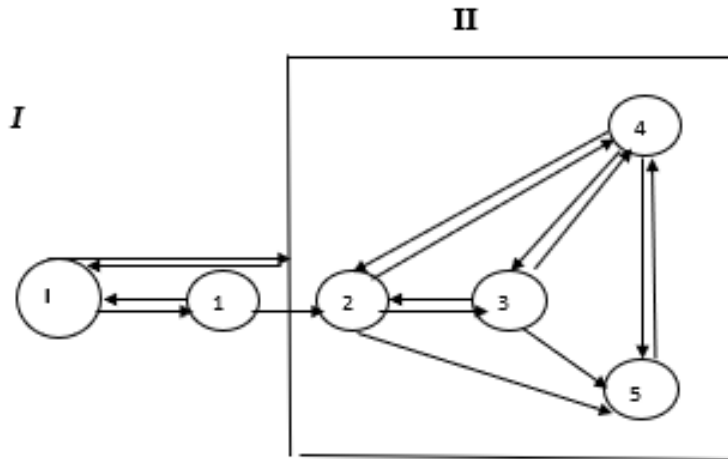
- Du lịch là một trong những ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt.
- Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản tạo nên các sản phẩm du lịch, quyết định tính đa dạng của các sản phẩm du lịch
- Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến việc tổ chức lãnh thổ của ngành du lịch, cấu trúc và chuyên môn hoá của vùng du lịch, hiệu quả kinh tế của hoạt động du lịch
- Số lượng và chất lượng của tài nguyên du lịch có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành và phát triển du lịch của một vùng, một quốc gia, tạo ra sức hấp dẫn mạnh mẽ với du khách.

### **1.2. Tổ chức lãnh thổ du lịch**

#### ***1.2.1. Khái niệm tổ chức lãnh thổ du lịch***

##### ***- Khái niệm***

Tổ chức lãnh thổ du lịch là một hệ thống liên kết không gian của các đối tượng du lịch & các cơ sở phục vụ có liên quan dựa trên việc sử dụng các tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, nhằm đạt hiệu quả kinh tế, xã hội



*Sơ đồ hệ thống lãnh thổ du lịch của M.Buchvarôp, năm 1975*

**Chú thích:**

***I. Môi trường với các điều kiện phát sinh nhu cầu du lịch***

***II. Hệ thống lãnh thổ du lịch***

- 1. Phương tiện giao thông vận tải***
- 2. Phân hệ khách du lịch***
- 3. Phân hệ cán bộ, nhân viên phục vụ***
- 4. Phân hệ tài nguyên du lịch***
- 5. Phân hệ công trình kỹ thuật***

=> Sơ đồ này cho thấy cấu trúc của hệ thống lãnh thổ du lịch, mối quan hệ giữa các phân hệ bên trong hệ thống và giữa hệ thống với môi trường bên ngoài. Theo sơ đồ này hệ thống lãnh thổ du lịch bao gồm các bộ phận như trên và luồng khách du lịch tạo nên mối liên kết giữa môi trường phát sinh khách du lịch với hệ thống lãnh thổ du lịch (nơi khách đến).

+ Tuy nhiên, người có công nghiên cứu về hệ thống lãnh thổ du lịch một cách tường tận là **Pirojnik**. Theo ông, hệ thống lãnh thổ du lịch là một hệ thống địa lý xã hội, bao gồm các yếu tố có quan hệ tương hỗ với nhau như: nhóm khách du lịch, các tổng thể tự nhiên và văn hoá- lịch sử, các công trình kỹ thuật, đội ngũ phục vụ và cơ quan điều hành.

- ***Phân hệ khách du lịch*** đóng vai trò trung tâm, nó đặt ra yêu cầu đv các phân hệ khác thuộc hệ thống lãnh thổ du lịch. Do các nhóm khách có những đặc điểm dân cư, dân tộc, kinh tế, xã hội khác nhau nên nhu cầu cũng khác nhau. Phân hệ này có những đặc điểm như: khối lượng và cấu trúc nhu cầu du lịch, tính mùa vụ, sự đa dạng
- ***Phân hệ tổng thể tự nhiên- văn hoá*** là nguồn tài ng có khả năng làm thoả mãn nhu cầu du lịch và là lãnh thổ hình thành các hệ thống lãnh thổ du lịch. Các tổng thể này có sức chứa xác định, có khả năng, có mức độ thuận lợi, độ



bền vững và sức hấp dẫn. Phân hệ này đc đặc trưng bởi: trữ lượng, diện tích phân bố, thời gian khai thác, khả năng phục vụ

- **Phân hệ công trình kỹ thuật** đảm bảo điều kiện sinh hoạt của khách du lịch (nơi ăn, ở, thể thao), cũng như nhu cầu đặc trưng (nghỉ ngơi, chữa bệnh, tị, vhoá). Toàn bộ các công trình kỹ thuật tạo nên cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ DL. Đặc điểm của phân hệ này là: sức chứa, sự đa dạng, sự tiện nghi, tính sinh thái và trình độ kỹ thuật.
- **Phân hệ đội ngũ phục vụ** thực hiện chức năng cung ứng các dịch vụ cho kdl. Phân hệ này có những đặc điểm như: số lượng cán bộ công nhân viên trong các cơ sở DL, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của họ, khả năng cung ứng.
- **Cơ quan điều hành** đảm bảo sự kết hợp hoạt động tối ưu giữa các phân hệ để đạt hiệu quả lao động cao. Bằng những quy hoạch dài hạn và hiện hành, cơ quan này làm cho mạng lưới hệ thống lãnh thổ DL các cấp không ngừng phát triển. Họ dự báo nhu cầu DL, dự báo cán cân tài nguyên DL và cung cấp thông tin, chỉ tiêu pháp lệnh và vật chất kỹ thuật cho hoạt động DL.

+ Như vậy, hệ thống lãnh thổ DL là một thành tạo toàn vẹn về chức năng và lãnh thổ, thực hiện nhiều chức năng xã hội, trong đó chức năng chính là phục hồi và phát triển sức khoẻ và khả năng lao động, thể lực và tinh thần của du khách.

### **1.2.2. Các hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ du lịch**

#### **1.2.2.1. Hệ thống lãnh thổ du lịch**

Hệ thống lãnh thổ du lịch là một hệ thống địa lý xã hội, bao gồm các yếu tố có quan hệ tương hỗ với nhau như: các luồng du khách, tổng thể tự nhiên và tổng thể văn hoá- lịch sử, các công trình kỹ thuật, nhân viên phục vụ và cơ quan điều hành.

#### **1.2.2.2. Thế tổng hợp lãnh thổ du lịch**

- Mục tiêu của thế tổng hợp lãnh thổ du lịch là nhằm tổ chức tối ưu hoạt động du lịch trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên (tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hoá - lịch sử...)
- Có 3 giai đoạn hình thành thế tổng hợp lãnh thổ du lịch: Giai đoạn đầu tiên chỉ là việc tập trung một cách đơn giản các cơ sở, xí nghiệp du lịch. Giai đoạn tiếp theo phát triển các ngành chuyên môn hoá và tập trung các xí nghiệp du lịch theo dấu hiệu ngành và lãnh thổ. Giai đoạn cuối cùng hình thành cấu trúc lãnh thổ của thế tổng hợp.

#### **1.2.2.3. Vùng du lịch**

- Theo **E. A. Kotliarow** (1978), vùng du lịch là: 1- một lãnh thổ hoàn chỉnh với sự kết hợp các điều kiện, đối tượng và chuyên môn hóa du lịch; 2- Không chỉ là lãnh thổ để chữa bệnh, nghỉ ngơi mà còn là một cơ chế kinh tế hành chính phức tạp; 3- có các xí nghiệp nông nghiệp, công nghiệp, vận tải, xây dựng và các cơ sở văn hóa; 4- hình thành do phân công lao động theo lãnh thổ trong lĩnh vực phi sản xuất
- Theo quan niệm của **N.X Mironeko và I.T Tirodokholebok** (1981) là một cộng đồng lãnh thổ của các xí nghiệp du lịch chuyên môn hóa phục vụ du khách có quan hệ về mặt kinh tế nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách trên cơ sở

sử dụng tổng thể tự nhiên, văn hóa- lịch sử hiện có và các điều kiện kinh tế của lãnh thổ

- Theo **Pirojnik**, vùng du lịch là hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội, một tập hợp các hệ thống lãnh thổ du lịch thuộc mọi cấp có liên hệ với nhau và các xí nghiệp thuộc cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo cho hoạt động của hệ thống lãnh thổ du lịch với việc có chung chuyên môn hóa và các điều kiện kinh tế - xã hội để phát triển du lịch

=> Tất nhiên mỗi quan niệm có những ưu, nhược điểm nhất định. Sau khi xem xét các quan niệm khác nhau ng ta dễ chấp nhận quan niệm của Pirojnik bởi tính chất đầy đủ và hợp lý của nó. Như vậy vùng du lịch là hệ thống lãnh thổ kinh tế xã hội, một tập hợp các hệ thống lãnh thổ du lịch thuộc mọi cấp có liên hệ với nhau và các xí nghiệp thuộc cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo cho hoạt động của hệ thống lãnh thổ du lịch với việc có chung chuyên môn hóa và các điều kiện kinh tế - xã hội để phát triển du lịch.

### **1.2.3. Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch**

Năm 1982 **M. Buchvaror** xây dựng hệ thống phân vị 5 cấp: Điểm DL - Hạt nhân DL - Tiểu vùng – Á vùng – Vùng du lịch

#### **1.2.3.1. Điểm du lịch**

##### **a. Khái niệm Điểm du lịch:**

“Điểm du lịch là một đơn vị lãnh thổ du lịch, nơi tập trung một loại tài nguyên du lịch (tự nhiên, văn hoá - lịch sử hoặc kinh tế - xã hội) hay một loại công trình riêng biệt phục vụ du lịch hay kết hợp cả hai ở qui mô nhỏ”.

Vì thế điểm du lịch có thể được phân thành 2 loại :

- Điểm tài nguyên
- Điểm chức năng

##### **b. Tài nguyên du lịch**

- Tài nguyên du lịch tự nhiên
- Tài nguyên du lịch nhân văn

##### **c. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật**

Một điểm du lịch tốt cần phải có môi trường (tự nhiên và văn hoá xã hội) trong lành, có các điều kiện đảm bảo các dịch vụ du lịch tối thiểu cho du khách (khách sạn, phương tiện thông tin liên lạc, ăn uống, mua sắm hàng lưu niệm...).

##### **d. Thời gian lưu trú của khách**

Thời gian lưu lại của khách tương đối ngắn (không quá 2 ngày ) trừ trường hợp ngoại lệ (thí dụ, điểm du lịch với chức năng chữa bệnh, nhà nghỉ của cơ quan).

##### **e. Quy mô điểm du lịch**

Điểm du lịch là cấp thấp nhất trong hệ thống phân vị. Về mặt lãnh thổ, điểm du lịch có quy mô nhỏ. Trên bản đồ các vùng du lịch, người ta thể hiện điểm du

lịch là những điểm riêng biệt. Tuy nhiên, trong thực tế dù quy mô rất nhỏ, điểm du lịch cũng chiếm một diện tích nhất định trong không gian.

#### **1.2.3.2. Trung tâm du lịch (Hạt nhân du lịch)**

- a. **Khái niệm trung tâm du lịch:** Là sự kết hợp lónh thổ của các điểm du lịch cùng loại hay khác loại, là nơi tập trung rất nhiều điểm du lịch trên lãnh thổ
- b. **Tài nguyên du lịch:** Là nơi tương đối tập trung và được khai thác một cách cao độ và có khả năng lôi cuốn khách du lịch
- c. **Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật :** Tương đối phong phú
- d. **Thời gian lưu trú của khách :** đón tiếp, phục vụ và lưu khách trong một thời gian dài
- e. **Quy mô trung tâm du lịch**

Có quy mô nhất định về mặt diện tích, trung tâm du lịch có thể có diện tích tương đương với diện tích của một tỉnh. Bao gồm các điểm du lịch kết hợp với các điểm dân cư và môi trường xung quanh

#### **1.2.3.3. Tiểu vùng du lịch**

- a. **Khái niệm tiểu vùng du lịch:** Là một tập hợp bao gồm các điểm du lịch và trung tâm du lịch
- b. **Tài nguyên du lịch:** Tương đối phong phú về số lượng, đa dạng về chủng loại
- c. **Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật:** Phong phú, đầy đủ
- d. **Thời gian lưu trú của khách:** Dài ngày
- e. **Quy mô tiểu vùng du lịch:** Tiểu vùng du lịch bao trùm lãnh thổ của một vài tỉnh

\* **Ghi chú:** có 2 loại tiểu vùng du lịch: tiểu vùng du lịch đã hình thành và tiểu vùng du lịch đang hình thành (tiểu vùng du lịch tiềm năng). Tiểu vùng du lịch đã hình thành tập trung nhiều tài nguyên và được khai thác mạnh mẽ. Tiểu vùng du lịch đang hình thành có thể có tài nguyên song do những lý do nhất định tiềm năng chưa có điều kiện để trở thành hiện thực

#### **1.2.3.4. Á vùng du lịch**

+ **Khái niệm Á vùng du lịch:** Là tập hợp các điểm vùng, trung tâm (nếu có) và các tiểu vùng dl thành 1 thể thống nhất với mức độ tổng hợp cao hơn

+ **Tài nguyên du lịch:** có nhiều loại tài nguyên trong á vùng

Chuyên môn hoá đó bắt đầu được thể hiện mặc dù có thể chưa đậm nét. Có thể trong một số vùng du lịch, sự phân hoá lãnh thổ chưa dẫn đến hình thành các á vùng. Trong trường hợp ấy, hệ thống phân vị thực sự chỉ còn 4 cấp: Điểm du lịch - Trung tâm du lịch - Tiểu vùng du lịch - Vùng du lịch

#### **1.2.3.5. Vùng du lịch**

+ **Khái niệm vùng du lịch:** Là cấp cao nhất trong hệ thống phân vị, đó là sự kết hợp lãnh thổ của các á Vùng (nếu có), tiểu vùng, trung tâm và điểm du lịch có nhiều nét đặc trưng về số lượng và chất lượng

- Có chuyên môn hoá nhất định, nó chính là bản sắc của vùng, làm cho vùng này khác hẳn với vùng kia.
- Về phương diện lãnh thổ, vùng du lịch có diện tích rất lớn, bao gồm nhiều tỉnh - Vùng du lịch Việt Nam là vùng du lịch đang hình thành
- Thông qua phân vùng du lịch, có thể thúc đẩy sự ra đời và phát triển của các vùng du lịch

#### ❖ TÓM TẮT CHƯƠNG 1

- Trong chương này, một số nội dung chính được giới thiệu:
- Tài nguyên du lịch và vai trò của tài nguyên du lịch đối với hoạt động du lịch
- Các hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ du lịch

#### ❖ CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 1

1. Trình bày khái niệm tài nguyên du lịch, phân loại tài nguyên du lịch, lấy ví dụ
2. Phân tích vai trò của tài nguyên du lịch với sự phát triển du lịch
3. Trình bày các hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ du lịch
4. Trình bày hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch

## CHƯƠNG II. CÁC VÙNG DU LỊCH VIỆT NAM

### ❖ GIỚI THIỆU CHƯƠNG 2

Chương 2 là chương giới thiệu 3 vùng du lịch: Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ với những sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu, để người học có được kiến thức nền tảng và dễ dàng tiếp cận nội dung môn học.

### ❖ MỤC TIÊU MÔN HỌC

#### \* Về kiến thức

+ Nhận dạng được 3 vùng du lịch: Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ

+ Diễn tả được tầm quan trọng của việc nghiên cứu, lựa chọn, khai thác các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của 3 vùng này được khai thác trong hoạt động kinh doanh du lịch.

#### \* Về kỹ năng

+ Lựa chọn được các kỹ năng thu thập, xử lý và lựa chọn thông tin;

+ Vận dụng được các đặc điểm của các hệ biểu tượng văn hóa và trang trí mỹ thuật trong các công trình di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam trong việc hoàn thiện tốt môn học sau như: Thực hành thuyết minh du lịch, thực hành thiết kế tour du lịch cũng như trong chuyến thực tế và thực tập chuyên môn.

#### \* Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

+ Chịu trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức, kỹ năng trong thực tiễn khai thác những sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu của 3 vùng du lịch: Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ trong hoạt động kinh doanh du lịch.

+ Tiếp nhận tốt các yêu cầu, nhiệm vụ trong thực hiện nhiệm vụ bài học được giao.

### ❖ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 2

#### \* Nội dung:

- *Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức*

- *Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.*

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:*

+ *Nghiên cứu bài trước khi đến lớp*

+ *Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.*

+ *Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.*

+ *Nghiêm túc trong quá trình học tập.*

**\* Phương pháp:**

+ *Điểm kiểm tra thường xuyên: không có*

+ *Kiểm tra định kỳ lý thuyết: 1 bài (HS2)*

**❖ NỘI DUNG CHƯƠNG 2**

**2.1. Vùng du lịch Bắc Bộ**

**2.1.1. Khái quát chung**

+ Vùng du lịch Bắc bộ bao gồm 28 tỉnh, thành phố, từ Hà Giang đến Hà Tĩnh trong đó có 7 tỉnh giáp với Trung Quốc là Quảng Ninh, Lạng Sơn, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, ở đây có cửa khẩu Móng Cái – một cửa khẩu đường bộ lớn nhất giữa Việt Nam và Trung Quốc, cửa khẩu Tân Thanh thuộc Lạng Sơn. Các cửa khẩu này tạo điều kiện thuận lợi cho sự qua lại của nhân dân 2 nước, cửa khẩu không chỉ giúp phát triển giao lưu thương mại, hàng hóa giữa 2 nước mà có ý nghĩa lớn cho hoạt động du lịch.

+ Năm tỉnh phía Tây giáp với Lào: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, giữa Việt Nam và Lào có chung các cửa khẩu ở vùng này như cửa khẩu Cầu Treo (cửa khẩu Kẹo Nưa) thuộc Hà Tĩnh, cửa khẩu Nậm Cắn thuộc Nghệ An, cửa khẩu Na Mèo thuộc Thanh Hóa, những cửa khẩu này là nơi giao lưu giữa nước ta và Lào.

+ Phía đông giáp vịnh Bắc Bộ với bờ biển dài 1000 km và hàng nghìn đảo nhỏ. Vùng có diện tích 149.064 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 36 triệu dân.

+ Vùng du lịch Bắc bộ có 5 tiểu vùng du lịch:

- Tiểu vùng du lịch trung tâm (Hà Bnh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Bnh, Hà Nội, Hà Tây, Hưng Yên, Hà Nam, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bnh, Thanh Hóa)
- Tiểu vùng du lịch duyên hải Đông Bắc (Quảng Ninh, Hải Phòng); tiểu vùng du lịch miền núi Đông Bắc (Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn)
- Tiểu Vùng du lịch miền nỳi Tõy Bắc (Lai Chõu, Điện Biên, Sơn La, Yên Bái)
- Tiểu Vùng du lịch Nam Bắc Bộ (Nghệ An, Hà Tĩnh)
- Trung tâm tạo vùng của vùng là Hà Nội, tam giác tăng trưởng du lịch là : Hà Nội - Hải Phũng- Quảng Ninh.

+ Địa hình: Vùng có địa hnh núi cao và hiểm trở nhất cả nước, hướng núi chủ yếu là hướng Tây Bắc – Đông Nam và hướng vũng cung. Có dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phanxipăng cao 3143m - nóc nhà Đông Dương, có hệ thống núi đá vôi nằm rải rác khắp cả vùng.

- Ngoài ra Vùng cũn có địa hình đồng bằng châu thổ do phù sa của hệ thống sông Thái Bình và sông Hồng bồi đắp và một số đồng bằng giữa núi như 4 cánh đồng màu mỡ nổi tiếng khu Tây Bắc “nhất Thanh, nhì Lũ, tam Than, tứ Tắc” là các đồng bằng Mường Than, Mường Lũ, Mường Tắc, Than Uyên...

+ Khí hậu: khí hậu của vùng là khí hậu nhiệt đới, có 4 mùa rõ rệt, mùa thu dễ chịu, mùa đông rất rét, mùa hạ nóng, mùa xuân ẩm áp. Các tỉnh ven biển khí hậu hải hạ và dễ chịu hơn với nhiệt độ trung bình năm từ 21 – 24°C, độ ẩm 80%.

+ Động – thực vật trong vùng phong phú với nhiều khu rừng nhiệt đới nguyên sinh. Có mật độ sông ngòi dày 1,6 km sông/1km<sup>2</sup> diện tích, bên cạnh đó vùng ẹn có nhiều hồ lớn: hồ Ba Bể, hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, hồ Hạ Bình, hồ Núi Cốc...

### **2.1.2. Tài nguyên du lịch**

#### **2.1.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

+ Vùng có nhiều điểm du lịch có phong cảnh đẹp, hùng vĩ, thơ mộng: với điều kiện tự nhiên đây là vùng có địa hình đồi núi cao và hiểm trở nhất cả nước, do đó có nhiều điểm du lịch, các khu nghỉ mát, nghỉ dưỡng nổi tiếng có khí hậu mát mẻ trên độ cao trên 1000m như vùng núi Sapa (Lào Cai), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Ba Vì (Hà Tây), các cao nguyên như cao nguyên Đồng Văn (Hà Giang), Mộc Châu (Sơn La)...

+ Trong vùng hiện tại có nhiều cánh rừng già nguyên sinh, các khu bảo tồn, các VQG. Theo thống kê năm 2007 thì Việt Nam có 30 vườn quốc gia, trong khi đó ở vùng du lịch Bắc Bộ có đến 12 vườn quốc gia, đó là các VQG: Cúc Phương, Cát Bà, Hoàng Liên, Tam Đảo, Ba Vì, Ba Bể, Thanh Sơn, Xuân Thủy, Bến En, Pù Mát, Vụ Quang.

- Các vườn quốc gia này có hệ sinh thái rừng nhiệt đới điển hình với hàng nghìn loài thực vật và động vật, đáp ứng nhu cầu du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học và làm thỏa mãn nhu cầu tũ mĩ của du khách và lũng say mề nghiên cứu của các nhà khoa học.

- Các vườn quốc gia ở đây có nhiều loài cây đặc hữu và là nơi ẹn bảo tồn nhiều loài động thực vật quư, hiếm được ghi trong sách đỏ của Việt Nam và Thế Giới như gà lôi lam đuôi trắng, gà tiền mặt đỏ, voọc mũi hếch, gà trĩ sao, cu ly, sếu cổ trụi, cừ quắm cảnh xanh, vượn đen... các loại gỗ quý hiếm như gỗ đỏ, gụ mật, Hoàng Liên chân gà, hoàng đàn, cẩm lai...

- Vùng có vườn quốc gia đầu tiên, được thành lập chính thức vào ngày 8/1/1966, đó là VQG Cúc Phương và khu bảo tồn Ramsar đầu tiên của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á đó là khu bảo tồn Xuân Thủy (Nam Định).

+ Địa hình karst với các hang động nổi tiếng như Hương Sơn (Hà Tây), Tam Cốc, Bích Động (Ninh Bình), Tam Thanh, Nhị Thanh (Lạng Sơn).... Đặc biệt vùng có vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên Thế Giới với nhiều hang động và đảo đá thơ mộng, hùng vĩ. Hai lần được UNESCO công

nhận là di sản thiên nhiên Thế Giới và hiện tại Hạ Long đang trong danh sách đề cử để bình chọn là 1 trong 7 kỳ quan thiên nhiên Thế Giới.

+ Bên cạnh đó vùng có nhiều các bãi biển đẹp với bãi cát mịn, phẳng, nước trong xanh như bãi biển Trà Cổ (Quảng Ninh), Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa L (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh)....

+ Vùng có nhiều hồ tự nhiên nổi tiếng như hồ Ba Bể, hồ núi Cốc, hồ Tây... gắn với nhiều câu chuyện, truyền thuyết gắn liền với tên gọi hoặc đặc điểm của hồ.

+ Vùng có nhiều nguồn nước khoáng như Kim Bôi (Hà Bnh), Quang Hanh (Quảng Ninh), Tiên Hải (Thái Bnh), Tiên Lãng (Hải Phòng), Mỹ Lâm (Tuyên Quang)... đạt tiêu chuẩn chất lượng cao cho giải khát và chữa bệnh.

+ Cùng với những cảnh đẹp khí hậu vùng này có nhiều ánh nắng, ấm áp, trong lành, phù hợp với mọi hoạt động du lịch, có thể khai thác quanh năm, đặc biệt là những tháng hè nóng bức của vùng nhiệt đới vào tháng 5 đến tháng 9 là những điều kiện kích thích mạnh mẽ dừng người đi du lịch nghỉ mát, tắm biển.

+ Các sản vật đặc trưng:

- Những đặc sản dưới biển như các loại cá ngon, tôm hùm, sủ huyết, cua biển, bào ngư...

- Các đặc sản của núi rừng như măng, nấm hương, thịt chim, thú rừng được phép săn bắn, đến các loại dược liệu quý như sâm, nhung, tam thất...

Chính những nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú này sẽ là những cơ sở để phát triển du lịch của vùng du lịch Bắc Bộ. Bên cạnh đó vùng còn có những nguồn tài nguyên nhân văn đặc sắc nhất so với cả nước

### **2.1.2.2. Tài nguyên du lịch văn hoá nhân văn**

+ Vùng du lịch Bắc Bộ là khu vực có những giá trị mang đậm bản sắc Việt, là nơi ra đời các cộng đồng làng, xóm đầu tiên, là vùng có nhiều các di tích lịch sử, các di tích thời dựng nước, nhiều các di chỉ thời tiền sử nhất so với hai vùng du lịch còn lại.

+ Vùng là nơi tìm thấy nhiều di vật khảo cổ như công cụ sản xuất bằng đá, trống đồng, đồ kim khí, đồ gốm chứng minh cho nền văn hoá Sơn Vi (thời kỳ phát hiện ra lửa), Núi Đọ, Hoà Bình (thời kỳ xuất hiện nền văn minh lúa nước), Bắc Sơn, Phùng Nguyên, Gũ Đậu, Đông Mun, Đông Sơn, Hạ Long thời tiền sử.

+ Có nhiều các di tích, lịch sử, cách mạng có ý nghĩa giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, nghiên cứu khoa học. Vùng là nơi lưu giữ nhiều nhất các di tích dựng nước và giữ nước nhất cả nước. Các di tích này thuộc tất cả các lãnh thổ của vùng du lịch Bắc Bộ, nhưng địa phương có nhiều các di tích này nhất cả nước là Hà Nội.

- Hà Nội là thành phố cổ, là thủ đô của cả nước, được xây dựng cách đây hàng nghìn năm, là mảnh đất có bề dày lịch sử và văn hóa hàng nghìn năm.



Theo thống kê của Sở văn hoá thông tin năm 1994, riêng Hà Nội đó có đến 2114 di tích văn hoá lịch sử, 579 ngôi đền, 273 ngôi chùa với mật độ di tích cao nhất cả nước cả về số lượng và chất lượng, trung Bình cứ 1km<sup>2</sup> thì có 42,8 di tích trong khi đó mật độ chung cả nước là 2.2 di tích/1km<sup>2</sup>. Có nhiều các di tích lịch sử văn hóa như : văn miếu Quốc tử giám – trường đại học đầu tiên của Việt Nam, trong đó có hình ảnh Khuê Văn Các được chọn làm biểu tượng của thành phố Hà Nội và xuất hiện trên logo của Bộ văn hóa thông tin, Thăng Long tứ trấn: Trấn Đông: đền Bạch Mã (phố Hàng Buồm) thờ thần Long Đỗ - thành hoàng Hà Nội; Trấn Tây: đền Voi Phục (hiện nằm trong khuôn viên Công viên Thủ Lệ) thờ Linh Lang - một hoàng tử thời nhà Lý; Trấn Nam: đền Kim Liên, trước đây thuộc phường Kim Hoa, sau thuộc phường Đông Tác, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức (nay là phường Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội), thờ thần Cao Sơn; Trấn Bắc: đền Quán Thánh (cuối đường Thanh Niên) thờ Huyền Thiên Trấn Vũ, Chùa Trấn Quốc – ngôi chùa cổ nhất Việt Nam. Ngoài ra còn có chùa Một Cột, khu di tích liên quan đến chủ tịch Hồ Chí Minh (Lăng chủ tịch và quảng trường Ba Đình, phủ chủ tịch)....

+ Vùng có nhiều các di tích lịch sử dựng nước và cách mạng như: Đền Hùng (Phú Thọ), di tích Pác Bó (Cao Bằng), khu di tích Tân Trào (đỉnh Tân Trào, cây đa Tân Trào, đỉnh Hồng Thái, hang Bng, lán Nà Lừa, ATK Kim Quan) ở Tuyên Quang, ATK Thái Nguyên (Thái Nguyên), hang núi chùa Trầm (Hà Tây), di tích Điện Biên Phủ (đồi độc Lập, đồi A1, cầu và sân bay Mường Thanh, cứ điểm Hồng Cúm, Him Lam, hầm chỉ huy của tướng Đờ caxtri)...

+ Có nhiều loại hình kiến trúc, mỹ thuật đặc biệt là kiến trúc về chùa và đình ở đây. Vùng có nhiều ngôi chùa có kiến trúc đặc sắc và ra đời từ rất sớm như chùa Kim Liên, chùa Một Cột (Hà Nội), chùa Cổ Lễ (Nam Định), chùa Tây Phương, chùa Thầy, chùa Trầm Gian (Hà Tây), nhà cổ, thành cổ (Hà Nội). Chùa ở đây được xây dựng theo kiến trúc dạng tháp (chùa Một Cột, tháp Hạ Phong, chùa Nhất Trụ), hình chữ Nhất, chữ Đinh, chữ Công, kiểu nội công, ngoại quốc.

- Đặc biệt ở vùng Bắc Bộ này có rất nhiều các ngôi đình từ thế kỷ XV, đình được xem như ngôi nhà chung của cộng đồng làng xã Việt Nam, với ba chức năng chính là hành chính, tôn giáo và văn hóa. Những ngôi đình nổi tiếng như: đình Lỗ Hạnh, đình Tây Đằng, đình Chu Quyên, đình Diêm, đình Thổ Hà, đình Đĩnh Bảng.... Trong những ngôi đình này được chạm trổ, điêu khắc rất công phu và độc đáo...

- Ngoài ra còn có hệ thống đền, đền ở đây có lịch sử phát triển gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước nên đây là loại hình có lịch sử phát triển lâu đời nhất ở nước ta như đền Hùng, đền Cổ Loa, đền Gióng, đền Đô, đền vua Đinh – Lê (Ninh Bình)...

+ Trong vùng có nhiều viện bảo tàng lớn, có giá trị nhất cả nước như bảo tàng Cách mạng, bảo tàng Hồ Chí Minh, bảo tàng Mỹ Thuật, bảo tàng Dân tộc học (Hà Nội), Bảo tàng Dân tộc Việt Nam (Thái Nguyên), bảo tàng Lịch sử, ...

+ Các di tích văn hoá - lịch sử của vùng thường gắn liền, hạ quyền với vẻ đẹp thiên nhiên tạo nên phong cảnh trữ tình, thơ mộng có giá trị hấp dẫn du khách. Hầu hết các di tích lịch sử, văn hóa nghệ thuật, các công trình kiến trúc đều gắn liền với các cảnh quan tự nhiên ví dụ như chùa Hương, vịnh Hạ Long, Tam Cốc - Bích Động, Hồ Tây, đền Hùng, Yên Tử...

+ Có nhiều các làng nghề truyền thống: Các làng nghề truyền thống có truyền thống ra đời từ rất lâu, có nhiều các làng nghề truyền thống có giá trị khai thác phục vụ đón khách du lịch đến tham quan, tìm hiểu, và mua các mặt hàng thủ công truyền thống dùng làm hàng lưu niệm như làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), chiếu Nga Sơn (Thanh Hóa). Địa phương có nhiều các làng nghề truyền thống nhất ở Việt Nam là Hà Tây, Hà Tây có trên 900 làng nghề, trong đó có 120 các làng nghề được tỉnh công nhận là làng nghề truyền thống như làng lụa Vạn Phúc, làng mây tre đan Phú Vinh, làng thêu ren Quất Động, làng nón Chuông, làng sơn mài Hạ Thái...

+ Vùng là nơi sinh sống của nhiều tộc người khác nhau tập trung chủ yếu ở tiểu vùng núi Tây Bắc gìn giữ được những nét văn hóa truyền thống độc đáo, nếp sống, tập quán sinh hoạt, sản xuất riêng của đồng bào các tộc người thiểu số như người Dao, Thái, Tày, Nùng, H' Mông, Xá Phó...

+ Ngoài các giá trị vật chất, Vùng cũng lưu giữ nhiều di sản văn hoá tinh thần, nhiều các loại hình văn hóa nghệ thuật đó được phát triển lâu đời và có giá trị, là một nguồn tài nguyên hấp dẫn như quan họ Bắc Ninh có lịch sử khoảng gần 1000 năm và được phát triển mạnh khoảng 300 năm trở lại đây. Hiện nay có tới 49 làng quan họ với 200 làn điệu, 500 bài hát cổ.

- Việt Nam có gần 400 các lễ hội, các lễ hội ở miền Bắc thường diễn ra vào mùa xuân, có đặc điểm cũng giống như những lễ hội khác, cũng bao gồm hai phần: phần lễ và phần hội, thường gắn liền với sự tôn vinh tưởng nhớ các vị anh hùng dân tộc, những người có công với nước, các danh nhân ....

- Bắc Bộ có số lượng các lễ hội rất lớn và có một số các lễ hội có quy mô, thời gian và phạm vi diễn ra thuộc lớn nhất cả nước. Đó là lễ hội đền Hùng (Phú Thọ). Lễ hội được diễn ra vào ngày 10 tháng 3 âm lịch.

### ***2.1.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu.***

#### ***2.1.3.1. Sản phẩm du lịch đặc trưng của vùng.***

+ Tham quan nghiên cứu và nền văn hoá Việt Nam:

- Các di tích lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam: Các di tích lịch sử dựng nước và giữ nước của khu vực Bắc Bộ chiếm số lượng rất lớn, cho nên loại hình du lịch tham quan, nghiên cứu các đối tượng thu hút khách chính của vùng du lịch Bắc Bộ.

- Các di sản văn hoá, nghệ thuật truyền thống cội nguồn của cộng đồng người Việt và nhiều dân tộc khác: Bắc Bộ là nơi cư trú của rất nhiều các tộc người thiểu số, loại hình du lịch này nhằm thỏa mãn cho những du khách thích khám

phổ, trải nghiệm và tìm hiểu các phong tục tập quán, quá trình sinh hoạt, sản xuất của các tộc người này. Đồng thời thông qua các di tích lịch sử, sẽ nhằm thỏa mãn nhu cầu tham quan, tìm hiểu về lịch sử của dân tộc Việt Nam....

- Các lễ hội và sinh hoạt tâm linh thuộc các nền văn minh, văn hoá các dân tộc: Du khách thường kết hợp giữa việc tham gia các lễ hội với các loại hình du lịch khác như tham quan các tài nguyên du lịch tự nhiên, tìm hiểu các tài nguyên nhân văn khác.

- Các làng nghề truyền thống: Đây là loại hình du lịch thu hút khá nhiều khách đến tìm hiểu.

+ Tham quan nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí ở các vùng cảnh quan:

- Vùng biển và hải đảo thuộc vịnh Hạ Long đã được UNESCO xếp hạng vào danh mục di sản văn hoá của nhân loại.

- Vùng các hồ chứa nước lớn và nghỉ dưỡng

- Vùng núi đá, hang động.

- Vùng núi cao và rừng nguyên sinh,

+ Vùng đô thị đặc biệt – Thủ đô Hà Nội:

- Thành phố cổ, lịch sử, còn nhiều di sản, văn hoá, nghệ thuật kiến trúc cổ.

- Thủ đô, trung tâm chính trị, văn hoá, khoa học, kinh tế, giao tiếp của cả nước.

- Thành phố nằm tại đầu mối giao thông lớn nhất của cả nước.

### **2.1.3.2. Các địa bàn du lịch chủ yếu**

#### **a. Địa bàn các di tích văn hoá lịch sử.**

- Các di tích văn hoá - nghệ thuật, lễ hội truyền thống; chủ yếu ở Hà nội và vùng cận thuộc các tỉnh Hà Tây, Hà Bắc, Vĩnh phú, trung tâm của nền văn minh lúa nước, văn hoá Đông Sơn.

- Các địa bàn có nhiều ảnh hưởng văn hoá các dân tộc: Tày – Nùng ( Cao bằng, Lạng sơn), H’ mông ( hà giang, Lào cai), Thái ( lai châu, Sơn la), Mường ( Hoà bình).

- Các di tích giữ nước, dựng nước:

Việt Trì: Đền Hùng – Châu phong Mê Linh

Ninh Bình: Hoa lư, Tam điệp

Quảng Ninh – Hải phòng: Văn đồn, Yên tử, Côn sơn. sông Bạch Đằng.

Lạng sơn – Cao Bằng: Chi Lăng, pác bó, đường quốc lộ 4 Đông khê, thất khê...

Tuyên Qung – Thái Nguyên: các an toàn khu sơn dương, Tân Trào, Chiêm hoá, Bắc sơn.

## **b. Các địa bàn cảnh quan nghỉ dưỡng, giải trí**

+ Hệ thống cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển:

- Quảng Ninh – Hải phòng: Hạ Long, Đồ sơn, Cát Bà, trà cô/
- Cụm điểm Thanh Hoá: Sầm sơn – Hàm rồng.
- Cụm nghệ An – Hà Tĩnh: Cửa lò , Thiên Cầm.

+ Hệ thống cảnh quan vùng hồ: chủ yếu ở vùng trung du Bắc bộ: Hoà Bình, Thác bà ( Yên Bái), Đại lải ( Vĩnh phú), cầm sơn ( Hà Bắc) , núi cóc ( Thái nguyên), hồ tự nhiên ba bể ( Cao Bằng ), Suối hai, đông mô ( Hà tây cũ) Hồ tây ( Hà nội )

+ Hệ thống cảnh quan vùng núi: các khu nghỉ dưỡng sapa, Bắc Hà ( lao cai), Mậu sơn ( Lạng sơn ), tam đảo ( Vĩnh yên),.

## **c. Các khu núi cao – các khu hang động núi đá karst:**

- Các khu núi cao: Phaxipăng, Yên tử

- Các khu hang động núi karst: cụm Hà giang, cụm Cao bằng ( huyện trùng khánh – Bảo lạc) , cụm lạng sơn ( nhất, nhị, tam thanh), cum Cao bằng ( Bắc sơn – Ba bể), cụm Quảng ninh ( Hoàn hồ, hòn gai), cum sơn la – Lai châu ( dọc sông đà), cụm Hoà bình – Hà tây ( Mỹ đức, Hương sơn, Hoà bình...)

## **d. Các Hải Đảo**

- Các hải đảo có bãi tắm tốt, có người ở: Cô tô, Quan lạn, Ngọc Vững, Tuần châu ( Quảng Ninh) , Cát bà ( Hải phòng).

- Các Hải đảo cảnh quan nổi tiếng: Bạch long vĩ, Minh Châu ( tên cũ: Đảo lợn rừng), đảo khí, hòn rêu,...

## **e. Đô Thị đặc biệt**

Thủ đô Hà nội, đầu mối giao thông lớn, trung tâm viễn thông hiện đại, trung tâm giao tiếp, trung tâm đào tạo khoa học công nghệ của cả nước, trung tâm nền văn hoá nghệ thuật truyền thống.

Quy mô dân số đến năm 2010 là 2-2,5 triệu dân bao gồm: Khu thành phố cũ ( 36 phố phường) và thành phố cổ, khu thành phố xây dựng thời Pháp thuộc.

Hệ thống trung tâm cũ ( Hoàn Kiếm) và mới ( Ba Đình).

Khu cảnh quan du lịch nghỉ dưỡng, giải trí và thể thao dưới nước Hồ Tây sẽ xây dựng những khách sạn quốc tế lớn, khu thể dục thể thao quốc tế, công viên văn hoá nghỉ ngơi, trung tâm các làng nghề truyền thống và các làng du lịch quốc tế mới.

Sân bay quốc tế chính: Nội bài, sân bay phục vụ: Miếu Môn.

### **2.1.4. Các điểm du lịch có ý nghĩa Quốc gia và Quốc tế.**

#### **2.1.4.1. Tiểu vùng du lịch trung tâm**

- \* Điểm du lịch Hồ Tây:
- \* Điểm du lịch Đền Hùng:
- \* Điểm du lịch Chùa Hương:
- \* Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình)
- \* Điểm du lịch Tam Đảo:

#### **2.1.4.2. Tiểu vùng miền núi Tây Bắc**

- \* Điểm du lịch sapa
- \* Điểm du lịch Điện Biên

#### **2.1.4.3. Tiểu vùng du lịch miền núi Đông Bắc**

- \* Điểm du lịch Pác Bó:
- \* Điểm du lịch Tam thanh – Nhị Thanh (Lạng Sơn)
- \* Điểm du lịch Ba Bê:

#### **2.1.4.4. Tiểu vùng du lịch duyên hải Đông Bắc**

- \* Điểm du lịch Hạ Long:
- \* Điểm du lịch Cát Bà:

#### **2.1.4.5. Tiểu vùng du lịch phía Nam Bắc Bộ**

- \* Khu di tích Nam Đàn và Kim Liên:

### **2.2. Vùng du lịch bắc trung bộ**

#### **2.2.1. Khái quát chung**

+ Vùng du lịch Bắc trung bộ nằm ở vị trí trung gian của đất nước, gồm 6 tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi với hai trung tâm du lịch là Huế và Đà Nẵng.

- Vùng có diện tích là 34.743km<sup>2</sup>.
- Phía Bắc giáp với tỉnh Hà Tĩnh
- Phía Nam giáp với các tỉnh Bình Định, Gia Lai và Kon Tum
- Phía đông là biển Đông
- Phía Tây giáp Lào.

- Giữa hai nước Việt Nam và Lào có 1 cửa khẩu qua vùng này là cửa khẩu Lao Bảo thuộc tỉnh Quảng Trị - đây là cửa khẩu duy nhất ở vùng du lịch này, cửa khẩu này không chỉ có vai trò phát triển kinh tế giữa hai nước mà nơi đây là con đường thông thương, thúc đẩy phát triển hoạt động du lịch.

- Vùng có hai tiểu Vùng du lịch là tiểu Vùng du lịch Phía Bắc (Quảng Bình, Quảng Trị, Huế) và tiểu Vùng du lịch Phía Nam (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi).

- Khoảng 4/5 diện tích là đồi núi và cồn cát, phần lớn bị chia cắt thành những vùng nhỏ hẹp. Núi thường ăn lan ra biển, phía Tây là dãy hoành sơn cao trung Bình 600 -800m, có nhiều nhô nhô này đâm ngang ra biển như Hoành Sơn, Bạch Mố, tạo nên những cảnh quan đẹp như đèo Ngang, đèo Hải Vân.

- Vùng nằm ở mảnh đất có chiều ngang hẹp nhất đất nước, ở Quảng Bình có nơi chỉ có khoảng 60km, đồng bằng nhỏ hẹp, có nhiều cồn cát lấn sâu vào đất liền. Bên cạnh đó bờ biển lại có nhiều đầm phá và có nhiều bãi biển đẹp, nhiều đảo và cù lao.

+ Khí hậu của vùng tương đối khắc nghiệt, vùng có dãy Hoành Sơn và Bạch Mố đâm ngang ra biển, trở thành ranh giới tự nhiên của khí hậu, tạo nên sự khác biệt về khí hậu giữa Bắc và Nam, giữa các địa phương trong vùng.

- Ở Huế lượng mưa trung Bình năm tới 2800mm và từ Huế trở ra vùng Quảng Trị, Quảng Bình có mưa đông lạnh, trong khi đó Đà Nẵng lượng mưa trung Bình năm chỉ khoảng 2000mm và khí hậu nóng quanh năm.

- Vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt, gió Phơn tây nam gây khó khăn về phát triển kinh tế và hoạt động du lịch. Sông ngòi thì ngắn, dốc, nước trong xanh tạo phong cảnh đẹp nhưng thường có lũ đột ngột.

+ Thực động vật phong phú, dưới độ cao 800m là loại rừng kín thường xanh mưa mùa nhiệt đới, có nhiều loại động thực vật quý hiếm, có sự đa dạng sinh học cao. Đặc biệt Vùng có nhiều bãi biển với nhiều ngư trường lớn, là nguồn thực phẩm dồi dào.

+ Vùng nằm ở mảnh đất đầy biến động của lịch sử để lại nơi đây nhiều di tích, địa danh nổi tiếng như: Sông Gianh (Quảng Bình) là chiến tuyến gần một thế kỷ trong suốt thời kỳ Trịnh – Nguyễn phân tranh. Sừng Bùn Hải là giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam – Bắc trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ.

+ Dân cư của vùng có truyền thống cần kiệm, lịch thiệp, mến khách, tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc của vùng, gây cảm xúc lớn với du khách.

- Vùng du lịch Bắc Trung Bộ nằm ở vị trí trung gian của đất nước, bao gồm 5 tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Ngãi với diện tích 34.743km<sup>2</sup>, dân số hơn 5.424.200 người, mật độ dân số 156 người/km<sup>2</sup>.

## **2.2.2. Tài nguyên du lịch**

### **2.2.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên:**

+ Địa hình của Vùng có dãy Trường Sơn ở phía Tây và dãy Hoành Sơn đó tạo cho Vùng nhiều phong cảnh đẹp và nhiều điểm du lịch có giá trị thu hút khách và là đối tượng nghiên cứu khoa học rất hấp dẫn như vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng: được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên Thế Giới năm 2004, với VQG Phong Nha – Kẻ Bàng này có sự đa dạng và đặc sắc về động

Phong Nha do địa hình Karst mang lại và sự đa dạng sinh học ở vườn quốc gia Kẻ Bàng, VQG Bạch Mã, đèo Hải Vân- thiên hạ đệ nhất hùng quan, đèo Ngang, Bà Nà, Ngũ Hành Sơn...

+ Địa hình của Vùng tương đối đặc biệt với một bên là núi, một bên là sông do đó ngoài các tài nguyên do địa hình này mang lại thì Vùng cũn cú bờ biển chạy dọc theo chiều dài của Vùng đó đem lại cho vùng có nhiều bãi biển đẹp như: bãi biển Nhật Lệ, bãi biển Cửa Tùng, Lăng Cô, Cảnh Dương, Thuận An, Mỹ Khê, Non nước, Cửa Đại, Sa Huỳnh....

+ Địa hình Vùng này cũn cú núi đâm ra biển tạo nên nhiều đầ, phá và nhiều đảo, cù lao như hệ thống đầ, phá Tam Giang, Cầu Hai là hệ thống đầ, phá nước lợ lớn nhất cả nước.

+ Các cù lao, đảo như cù lao Chàm, đảo Cồn Cỏ, bán đảo Sơn Trà....

+ Ngoài ra Vùng cũn cú nhiều suối nước khoáng có giá trị như: nước khoáng Thanh Tân (Huế), suối nước khoáng Mỹ An (Huế), suối nước khoáng Phú Ninh (Quảng Nam)...Các nguồn suối nước khoáng nóng này hiện tại đợc khai thác phát triển du lịch khá tốt.

### **2.2.2.2. Tài nguyên du lịch văn hoá nhân văn**

+ Tài nguyên nhân văn phong phú, có mức tập trung cao, có giá trị về lịch sử, văn hóa cao so với các vùng khác trong cả nước, tạo cho vùng có các tuyến tham quan với những điểm du lịch gần kề nhau.

+ Vùng có con đường di sản miền Trung, là điểm kết nối các di sản Thế Giới trên địa bàn của vùng để tạo ra các tour du lịch.

- Vùng này cũn cú 5 di sản thế giới, trong đó có 4 di sản văn hóa vật thể và phi vật thể và 1 di sản thiên nhiên. Đó là quần thể di tích cố đô Huế, phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn, Nhã nhạc cung đình Huế và VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (di sản này cũn cú tiềm năng du lịch tự nhiên tuy nhiên cũn thuộc trong con đường Di sản miền Trung). Chính điểm du lịch này đó tạo nên tuyến du lịch con đường di sản rất thu hút khách. Các giá trị của những di tích này đó đợc thể hiện thông qua việc đợc UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

+ Trong vùng cũn cú di tích sông Bến Hải, cầu Hiền Lương là giới tuyến quân sự tạm thời chia cắt đất nước thời chống Mỹ cứu nước, thời kỳ diễn ra sự đấu tranh ác liệt của nhân dân ta. Cùng với sự phân chia giới tuyến này thì trong thời kỳ này mảnh đất Quảng Trị trở thành chiến trường ác liệt. Hiện tại trong vùng cũn lưu giữ rất nhiều các di tích chống Mỹ như: hệ thống địa đạo Vịnh Mốc, thành cổ Quảng Trị, các nghĩa trang liệt sĩ quốc gia Trường Sơn, nghĩa trang đường 9, đường Trường Sơn, Khe Sanh, Dốc Miếu, Cồn Tiên, đảo Cồn Cỏ....

Bên cạnh đó vùng cũn lưu giữ nhiều ngôi chùa: Huế là một trung tâm Phật giáo lớn nhất cả nước và đợc chọn là quốc giáo dưới thời nhà Nguyễn vỡ thế mà cũn rất nhiều các ngôi chùa ở đây như chùa Thiên Mụ, chùa Từ Hiếu, chùa Từ Đàm, chùa Báo Quốc....

+ Ngoài ra cũn cú các bảo tàng cũng là nhữnđiểm tham quan hấp dẫn với khách như: Bảo tàng điêu khắc Champa là bảo tàng chỉ trưng bày các di tích liên quan đến văn hóa Champa duy nhất ở Việt Nam, bảo tàng mỹ thuật cung đờnđnh Huế, phõn viện bảo tàng Hồ Chớ Minh tại Huế...

- Vùng là nơi cư trú của vương quốc ChămPa lúc xưa nên các di tích liên quan đến văn hóa ChamPa hiện tại cũn lưu lại rất nhiều như kinh đô Trà Kiệu, Mỹ Sơn, bảo tàng điêu khắc Champa, nhiều các giếng Chăm từ Quảng Trị đến Quảng Ngó.

+ Cũng với nguồn tài nguyên vật thể đa dạng, phong phú và hấp dẫn vùng cũn cú nhiều di tích văn hoá nghệ thuật về tinh thần như các điệu nhạc, khúc hát cung đờnđnh, nhữnđàn hỏt Bội, bài chũ, nhữnđiệu hũ xứ Quảng, xứ Huế...

- Đặ biệt vùng có nhó nhạc cung đờnđnh Huế đượ UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại.

- Bên cạnh đó vùng cũn lưu giữ nhiều phong tục, tập quán sinh hoạt mang nét đẹp truyền thống của dân tộc và có nhiều nghề cổ truyền nổi tiếng: dệt thổ cẩm của người Bru -Vân Kiệu, thêu ren, dệt thảm len, nghề mộc Kim Bông, đúc đồng Phước Kiệu, dệt lụa Mó Chõu, làng rau Trà Quế....

- Vùng cũng là nơi cư trú của nhiều dân tộc khác nhau, mỗi dân tộc vẫn cũn lưu giữ nhữnđ nét đẹp về bản sắc văn hóa riêng.

- Các lễ hội của vùng cũng là một tiềm năng du lịch thu hút khách như lễ hội cầu ngư, lễ hội phật bà quan âm...tuy nhiên quy mô và số lượng các lễ hội tương đố nhỏ và ít, chỉ có lễ hội Quan âm thì thu hỳt đượ nhiều khách đến đây tham gia lễ hội.

### **2.2.3. Các sản phẩm du lịch đặ trưng và địa bàn du lịch chủ yếu.**

#### **2.2.3.1. Sản phẩm du lịch đặ trưng**

- Tham quan nghiên cứu các di sản văn hoá truyền thống: di sản văn hoá thời nhà Nguyễn ở Huế; di sản văn hoá Chăm ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

- Tham quan và nghiên cứu các di tích chống Mỹ cứu nước.

- Nghỉ dưỡng, giải trí, cảnh quan ven biển, hồ và núi, hang động.

- Tha quan rừng quốc gia.

- Các hình thức du lịch biển

#### **2.2.3.2. Các địa bàn hoạt động chủ yếu**

##### **a. Địa bàn các di sản văn hoá truyền thống**

- Di sản văn hoá thời Nguyễn tập trung ở Huế và vùng phụ cận: Cẩm thành, khu lăng tẩm, cảnh quan, tài nguyên nước khoáng xung quanh Huế và các di tích dọc sông hương, các khu nhà vườn theo kiểu cung đờnđnh.



- Di sản văn hoá Chăm: Mỹ Sơn ( cố đô Chăm), kinh đô trà Kiệu, bảo tàng Chăm, đô thị cổ Hội An, thành cổ Quảng Trị, thành cổ Đồng Hới.

**b. Các địa bàn cảnh quan, nghỉ dưỡng, giải trí:**

- Cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển: các bãi tắm Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô ( Thừa Thiên Huế), Mỹ Khê ( Quảng Bình), Cửa Đại, Non Nước ( Quang Nam - Đà Nẵng), Cửa Tùng ( Quảng Trị).

- Cảnh quan nghỉ dưỡng và giải trí vùng hồ: Phá Tam Giang, đầm Cầu Hai ( Thừa Thiên Huế), hồ Phú Ninh, vịnh Nam Ô ( Quảng Nam - Đà Nẵng), sông Hương ( Huế), sông Hàn ( Đà Nẵng).

- Cảnh quan nghỉ dưỡng vùng núi: Bạch Mã ( Thừa Thiên Huế), núi Bà Nà ( Đà Nẵng), đèo Hải Vân, đèo Ngang, bán đảo Sơn Trà.

- Cảnh quan núi đá, hang động: động Phong Nha ( Quảng Bình) động lớn nhất của Việt Nam.

**c. Các di tích chống Mỹ cứu nước:**

- Cụm Vĩnh Mốc – Hiền Lương ( Quảng Trị): địa đạo.

- Cụm đường quốc lộ 9: Cửa Việt, sân bay Ái tử, Cam Lộ ( Quảng Trị), căn cứ của chính phủ cách mạng lâm thời, Khe Sanh và đường mòn Hồ Chí Minh, nghĩa trang Trường Sơn.

- Cầu Thạch Hãn, thành cổ Quảng Trị, cửa Thuận An, bán đảo Sơn Trà.

- Các sân bay: Đà Nẵng, Nước Mặn, Chu Lai ( Quảng Nam- Đà Nẵng), Phú Bài ( Huế).

**d. Thành phố cổ:**

- Huế, thành phố cảnh quan, bố cục hài hoà, có hệ thống di tích thời Nguyễn tập trung nhất.

- Hội An, cảng Chăm cũ đã được nhà nước công nhận là thành phố cổ cần được bảo vệ.

**2.2.4. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc tế và quốc gia.**

**2.2.4.1. Tiểu vùng du lịch phía bắc**

a. Động Phong Nha ( Quảng Bình):

b. Điểm du lịch Quảng Trị ( thành cổ Quảng Trị)

c. Đường mòn Hồ Chí Minh:

**2.2.4.2. Tiểu vùng du lịch phía Nam**

a. Các điểm du lịch ở cố đô Huế

b. Bãi biển Thuận An

c. Ngũ hành sơn :

d. Đô thị cổ Hội An

e. Thánh địa Mỹ Sơn

## **2.3. Vùng du lịch Nam trung bộ & Nam Bộ**

### **2.3.1. Khái quát chung**

+ Toàn bộ lãnh thổ của Vùng gồm 29 tỉnh: 5 tỉnh duyên hải Nam trung bộ (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận), 5 tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng), 6 tỉnh Đông Nam bộ ( Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Phước) và 13 tỉnh thành đồng bằng sông Cửu Long (Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Cà Mau, Bạc Liêu, Cần Thơ ) với diện tích 147.184km<sup>2</sup>.

- Phía Bắc giáp với vùng du lịch Bắc trung bộ, phía Tây giáp với đất nước chùa tháp - Campuchia và đất nước triệu voi - Lào, phía Đông và Đông Nam giáp với biển Đông. Giữa Campuchia và Việt Nam có cửa khẩu Mộc Bài (Tây Ninh) – là cửa khẩu đường bộ lớn nhất vùng này, cửa khẩu Mộc Bài cách TP. Hồ Chí Minh - trung tâm kinh tế lớn nhất của Việt Nam 70 km và Thủ đô PnomPenh của Campuchia 170 km

+ Vùng du lịch Nam trung bộ và Nam bộ có 2 Á Vùng du lịch:

- Á Vùng du lịch Nam Trung bộ (10 tỉnh) với 2 tiểu Vùng du lịch là tiểu Vùng du lịch duyên hải Nam trung bộ (Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận), tiểu Vùng du lịch Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, KonTum, Lâm Đồng)

- Á Vùng du lịch Nam Bộ (gồm 6 tỉnh thành Đông Nam bộ và 13 tỉnh thành đồng bằng sông Cửu Long) với 2 tiểu vùng là tiểu vùng du lịch Đông Nam bộ, tiểu vùng du lịch Tây Nam bộ. Các trung tâm du lịch của vùng là TP.Hồ Chí Minh- là trung tâm kinh tế lớn nhất Việt Nam ngoài ra cũn các trung tâm tạo Vùng đó là Nha Trang, Đà Lạt, Cần Thơ, Vũng Tàu.

+ Về địa hình bao gồm địa hình ven biển duyên hải Nam trung bộ, cao nguyên thấp và đặc biệt địa hình đồng bằng chiếm diện tích lớn, có hệ thống đồng bằng rộng lớn nhiều phù sa do con sông Mê Kông chảy qua Việt Nam với 250km bồi đắp với lượng phù sa rất lớn, gấp 10 lần lượng phù sa con sông Hồng, hệ thống sông ngòi chằng chịt, nước sông tương đối hiền hòa, ít xảy ra lũ lụt...

+ Khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nhiệt độ trung Bình hằng năm trên 26<sup>0</sup>C, lượng mưa trung Bình năm từ 1500 -2000mm, mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 11, nhỡn chung khô hậu tương đối tiện lợi cho hoạt động du lịch. Mặc dù trong cùng một vùng du lịch nhưng có sự khác nhau về khí hậu, ở các tiểu vùng du lịch khác nhau có các đặc trưng riêng về khí hậu: tiểu vùng du lịch duyên hải Nam Trung bộ thì nắng nhiều hơn mưa thuận lợi cho các hoạt động du lịch biển, thể thao biển...; trên các cao nguyên khí hậu mát mẻ quanh năm, nhiệt độ biến đổi nhanh chóng trong vùng và dao động nhiệt độ trong khoảng từ 14 đến 30C, ban

ngày thường nắng tuy nhiên vào ban đêm lại rất lạnh; á vùng du lịch Nam Bộ thì lại có hai mùa mưa, nắng rừ rệt.

### **2.3.2. Tài nguyên du lịch**

#### **2.3.2.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

+ Khu vực duyên hải Nam trung bộ, kéo dài dọc theo bờ biển của nước ta nên có nhiều bãi biển đẹp, nổi tiếng như bãi biển Nha Trang, bãi biển Bình Thuận, Hà Tiên, Phý Quốc, bãi biển Quy Nhơn, Long Hải, Phước Hải, Cà Ná, Ninh Chữ, bãi biển Đại Lính. Các bãi biển ở Vùng này đẹp, đạt được các chỉ số lý tưởng để phát triển du lịch biển, các môn thể thao biển, trong đó có các bãi biển được khai thác phát triển du lịch rất mạnh đó là thành phố biển Nha Trang, bãi biển Ninh Chữ, Mũi Nộ... và một số các bãi biển mang vẻ đẹp hoang sơ và chưa được khai thác phục vụ du lịch đúng với tiềm năng phát triển vốn có của nó như: biển Cà Ná, biển Quy Nhơn...

+ Bên cạnh đó vùng cũn cũ rất nhiều các đảo và quần đảo, vừa cung cấp nhiều sản phẩm nổi tiếng của biển, vừa là nơi tham quan du lịch như hệ thống rất nhiều các đảo ở Nha Trang như đảo hũn Tre diện tích 25km<sup>2</sup>, hũn Cau, hũn Nún, hũn Yên, hũn Tầm, hũn Lao Cõu (Bình Thuận), đảo Phú Quý (Bình Thuận)... Đặc biệt thu hút khách là đảo Phú Quốc – thiên đường du lịch, tiếp đến là Côn Đảo, vịnh Cam Ranh. Trong các vùng biển, đảo này cũn cũ các di tích tự nhiên tạo nên sự phong phý, đặc sắc của các vùng biển đảo này, ví như hũn Chũng (Hà Tiên), hũn Chõng (Nha Trang)...

+ Các tỉnh thuộc tiểu Vùng du lịch Tõy Nguyên nằm chủ yếu trên các cao nguyên xếp tầng, cũ khó hậu mốt mẽ, phong cảnh tuyệt đẹp, thơ mộng là nơi thu hút khách đến tham quan, nghỉ dưỡng như:

- Đà Lạt – với 99 thắng cảnh đẹp, với các thác nước hùng vĩ: thác Prenn, Cam Ly, Datanla, Pongua; những hồ nước êm ả, thơ mộng: hồ Xuân Hương, hồ Than thõ, Hồ Đa Thiện, hồ Long Tuyên, hồ Chiến Thắng, cao nguyên Lang Biang, với trên 1500 loài hoa, các loại hoa nổi tiếng như đỗ quyên, cẩm tú cầu, mimõda, phẳng xê, móng rồng... và những rừng thông bạt ngàn.

- Gia Lai - Vùng này cao cũ nhiều cảnh quan tự nhiên, có tiềm năng du lịch rất phong phý. Đó là những khu rừng nguyên sinh với hệ thống động thực vật phong phý, nhiều ghềnh thác, suối, hồ như Biển Hồ. Ngoài ra cũn cũ nhiều núi đồi như Công Trời Mang Yang, đỉnh Hàm Rồng và một số thác quanh thành phố: thác Dakthoa, thác Phú Cường, thác Lò Ô, thác Chín tầng... để phát triển các loại hình du lịch đó ngoại bằng thuyền trên sông, cưỡi voi xuyên rừng, trekking...

- Đăklắk có tiềm năng rất lớn về rừng với 35% diện tích là núi cao, địa hình cao nguyên bằng phẳng chiếm 53% với vườn quốc gia Yokdon rộng trên 115.500 ha - là khu vườn quốc gia lớn nhất Việt Nam; ngoài ra Đăk Lắk cũn cũ 4 khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng: vườn quốc gia Chư Yang Sin huyện Krông Bông, khu bảo tồn thiên nhiên Nam Kar huyện Lắk; rừng lịch sử văn hóa môi trường Hồ

Lắk huyện Lắk, Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô huyện EaKar mỗi khu có diện tích từ 20 đến 60 nghìn ha. Đắk Lắk không chỉ có núi non trùng điệp với những thảm rừng đa sinh thái với hơn 3 nghìn loài cây, 93 loài thỳ, 197 loài chim, mà cũn cú mạng lưới sông suối rất dày với một số sông chính như sông Krông H'Năng, sông Ea H'leo, sông Đồng Nai, sông SeRePók, các thác như thác Trinh Nữ, Thác Dray Sáp, thác Dray Nu, thác Gia Long, thác Bảy Nhánh, hồ lớn tự nhiên như hồ Buôn Triết, hồ Ea RBin-Nam Kar, hồ Lắk; một số hồ lớn nhân tạo như EaKao, Ea suop thượng, Ea Suop hạ ...

- Tỉnh Kon Tum với dóy nỳi Hoa Cương cao nhất miền Nam, đĩnh Ngọc Lĩnh cao 2596m, đĩnh Ngọc Phan cao 2251m, 50% là rừng với nhiều cảnh đẹp như núi Ngọc Linh, các khu rừng nguyên sinh Chư Mô Ray, Sa Thầy... Hiện tại các đĩểm du lịch này hợp thành “ Con đường Xanh Tây Nguyên” đang rất thu hút khách về cả các cảnh đẹp ở đây và cả những tập quán, nét sinh hoạt độc đáo của các tộc người ở đây.

+ Ngoài ra cũn cú các khu dự trữ sinh quyển như khu dự trữ thiên nhiên suối Trại thuộc huyện Tây Sơn, Bình Định, trạm thuần dưỡng động vật EaKeo thuộc Tp Buôn Mê Thuật, các sân chim, các vườn chim đặc trưng cho vùng sông nước Nam Bộ này như sân chim Vĩnh Lợi (Cà Mau), sân chim Ngọc Hiến (Cà Mau), vườn cũ Thạnh Trị (Sóc Trăng). Trong đó một số các VQG, khu bảo tồn được khai thác và thu hút được rất nhiều khách du lịch đến đây, ở các đĩểm du lịch này có sự đa dạng sinh học rất cao, điều kiện tiếp cận tương đối thuận lợi như VQG Yok Đôn, VQG Cát Tiên, VQG Tràm Chim...

+ Trong Vùng cũn cú nguồn nước khoáng ở Tây Nguyên và Nam Bộ ít nhiều góp phần là điều kiện thu hút khách với các loại Bicacbonat natri, Bicacbonat natri canxi, Clorua bicacbonat như suối nước khoáng Hội Vân (Phù Cát – Bình Định), Bình Châu (Vùng Tàu), Thộp Bà (Khánh Hũa)...

+ Khó hậu của Vùng thì tương đối thuận lợi cho phát triển du lịch, ít xảy ra thiên tai, có hai mùa rừ rệt: mùa nắng và mùa mưa; mùa mưa ở đây cũng khá dễ chịu, không mưa dầm như vùng du lịch Bắc trung bộ, nhiệt độ nằm trong khoảng từ 14°C đến 30°C.

### **2.3.2.2. Tài nguyên du lịch văn hoá nhân văn**

+ Vùng có thành phố Hồ Chí Minh là một trong 10 thành phố năng động nhất thế giới (1997), là trung tâm văn hóa, kinh tế, đầu mối giao thông cả về giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, hàng không của vùng, cú ý nghĩa quan trọng trong việc phỏt triển kinh tế núi chung và du lịch núi riêng đặc biệt là phát triển các loại hình du lịch cụng vụ.

+ Lưu giữ nhiều các di tích văn hóa lịch sử, các di tích này phân bố đều ở các tỉnh trong vùng. Tuy nhiên phân bố tập trung nhiều nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh với 400 di tích, có mật độ 19,1 di tích/km<sup>2</sup> với 17 di tích được xếp hạng quốc gia, tiếp đó là Bà Rịa Vũng Tàu với 100 di tích. Có mật độ 5,1 di tích/km<sup>2</sup> là những địa phương có mật độ di tích cao nhất trong vùng. Một số các di tích như

bán đảo Phước Hoàng, Cam Ranh, chiến khu D, Dinh Độc Lập, Địa đạo Củ Chi, Bến Dược, hệ thống các nhà tù ở Côn Đảo...

+ Vùng du lịch Nam trung bộ và Nam bộ là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc, bên cạnh dân tộc Kinh cũn cú nhiều dân tộc khác cùng chung sống lâu đời, vẫn cũn lưu giữ được những giá trị văn hóa nghệ thuật, phong tục tập quán mang sắc thái riêng. Cụ thể:

+ Đây là nơi sinh sống của người Chăm do đó vùng cũn cú nhiều các nguồn tài nguyên nhõn văn liên quan đến văn hóa Champa như những tháp Chăm mang kiến trúc độc đáo, được xây dựng bằng đá, gạch, với kỹ thuật xây tháp độc đáo như tháp Dương Long, tháp Bánh Ít, Tháp Cánh Tiên, tháp Đôi (Bình Định), PoKLông Gia Rai (Ninh Thuận), PôRômê (Ninh Thuận), Tháp Hũa Lai (Ninh Thuận), thỏp bà Pụnagar (Nha Trang), thỏp Nhạn (Phỳ Yờn)... Ngoài các cụng trình kiến trýc đó là các lễ hội đặc sắc của người Chăm như lễ hội Katê đặc sắc, lễ hội múa bóng...và các làng nghề nổi tiếng như làng nghề dệt Mỹ Nghiệp, gồm Bàu Trúc...

+ Vùng cũ những ngụi chùa, miếu, lăng, nhà thờ... trong vùng cũng có những nét đặc trưng và có giá trị thu hút khách rất lớn: hệ thống các chùa cổ kính ẩn mình trong các rừng thụng ở Đà Lạt như thiền viện Trúc lâm; chùa Vĩnh Tràng, chùa Đất Sét (Sóc Trăng), chùa Dơi (Sóc Trăng), chùa Giác Lâm, chùa Giác Viên (TP. Hồ Chí Minh), chùa Vĩnh Nghiêm (TP. Hồ Chí Minh), nhà thờ Đức Bà (Tp. Hồ Chí Minh), tũa thỏnh Tõy Ninh (Tõy Ninh), miếu Bà Chỳa Xứ (Vĩnh Tế 1 – Chõu Đốc), lăng Thoại Ngọc Hầu – là người có công khai phá vùng đất Tây Nam Bộ, lăng cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (Cao Lónh – Đờng Tháp), đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh – người đầu tiên mở đất Đờng Nai...

+ Trong vùng có một số các cơ sở kinh tế: các nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp độc đáo, là đối tượng tham quan du lịch trờn các lộ trình của các tuyến du lịch của Vùng vớ dụ như theo tuyến Nha Trang – Phan Rang – Đà Lạt, du khách có thể dừng chân tham quan cở sở chế biến hải sản Nha Trang (Đại Lónh), ghé vào xưởng bán các sản phẩm từ nho: nho tươi, vang nho, mút nho...tại Ninh Thuận, thủy điện ĐaNhim, khu vực sản xuất muối Cà Ná, thành phố cảng cá Phan Thiết

### ***2.3.3. Các sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn du lịch chủ yếu của vùng.***

#### ***2.3.3.1. Sản phẩm du lịch đặc trưng***

- + Giao tiếp và phát triển kinh tế – xã hội, hội nghị, hội, trợ, triển lãm .
- + Cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển, hồ, vùng ngập mặn và miền núi.
- + Tham quan nghiên cứu các di tích chống Mỹ cứu nước.
- + Tham quan nghiên cứu các di sản văn hoá Chăm và di sản tôn giáo khác
- + Tham quan vùng sông nước vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long,
- + Tham quan nghiên cứu vùng văn hoá các dân tộc Tây Nguyên

### **2.3.3.2. Các địa bàn hoạt động du lịch**

+ Thành phố Hồ Chí Minh: đông dân c nhất, có cơ sở hạ tầng tốt nhất so với cả nớc, có mạng lưới các ngành dịch vụ du lịch tong đối đầy đủ.

+ Vũng tàu: khu dịch vụ dầu khí đã có cơ sở hạ tầng tốt, có bãi biển, núi cho c dân tại chỗ và nghỉ cuối tuần của thành phố Hồ Chí Minh và khách du lịch quốc tế.

+ Biên Hoà: thành phố loại hai có khu công nghiệp tập trung lớn nhất và là đầu mối giao thông kinh tế chiến lược chính của Miền Nam.

+ Cần Thơ: sau khi thành phố xây dựng cảng nớc sâu cho tàu trên một vạt tấn và nâng cấp sân bay, sẽ trở thành trung tâm giao tiếp của đồng bằng sông cử long.

\_ Cảnh quan nghỉ dưỡng giải trí:

+ Cảnh quan nghỉ dưỡng ven biển đẹp nhất thuộc Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà như: Vũng Rô, Đại Lãnh, Văn Phong, Dốc Lết, Bãi Tiêu, Đồng Đé, Nha Trang. Ngoài ra các bãi biển như: Ninh Chữ, Cà Ná ( Ninh Thuận), Bình Châu – Long Hải – Vũng Tàu, Hòn Chông ( Hà Tiên).

+ Cảnh quan nghỉ dưỡng núi: 3 bậc thềm của cao nguyên Lâm Đồng có 2 trung tâm du lịch nổi tiếng là: Đà Lạt với nhiều cảnh quan, núi, hồ, thác, một hệ thống biệt thự phong phú, hấp dẫn.

+ Các hồ: hồ Yaly ( Kon Tum), biển hồ ( Plaiku), hồ Lắc ( Đắc Lắc), Thác Mơ ( Sông Bé), Trị An ( Đồng Nai), hệ thống hồ của Đà Lạt.

+ Các công viên quốc gia: Nam Cát Tiên, Bù Đẳng ( Sông Bé), Côn Đảo, rừng thông Lâm Đồng.

\_ Các di tích kháng chiến chống Mỹ:

Bán đảo Phước Hoàng ( Quy Nhơn), Cam Ranh ( Khánh Hoà), sân bay Thành Sơn ( Ninh Thuận), Xuân Lộc ( Đồng Nai), chiến khu Đ ( Lâm Đồng – Tây Ninh – Sông Bé), Đất Đỏ ( Đồng Nai), Bến tre Đồng Khởi...

\_ Các di tích khác: Các tháp Chăm ( Ninh thuận, Bình Thuận).

### **2.3.4. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế**

#### **2.3.4.1. Á vùng du lịch Nam Trung Bộ**

a. Tiểu vùng du lịch duyên hải Nam Trung Bộ

\* Điểm du lịch Nha Trang:

\* Điểm du lịch Đại Lãnh:

\* Điểm du lịch Cam Ranh:

\* Điểm du lịch Cà Ná:

b. Tiểu vùng du lịch Tây Nguyên

\* Điềm du lịch Đà Lạt:

### **2.3.4.2. Á vùng du lịch Nam Bộ**

a. Tiêu vùng du lịch Đông Nam bộ

\* Khu lưu niệm Bác Hồ:

\* Dinh Thống Nhất:

\* Địa đạo Củ Chi:

\* Côn Đảo

\* Chùa Vĩnh Nghiêm:

\* Núi Bà Đen:

\* Rừng quốc gia Cát Tiên:

b. Tiêu vùng du lịch Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông cửu long)

\* Đảo Phú Quốc:

\* Chợ nổi Cái Răng

### **❖ TÓM TẮT CHƯƠNG 2**

Trong chương này, một số nội dung chính được giới thiệu:

- Các vùng du lịch Việt Nam: Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ

- Các sản phẩm du lịch đặc trun và địa bàn hoạt động chủ yếu của 3 vùng này

### **❖ CÂU HỎI ÔN TẬP CHƯƠNG 2**

1. Trình bày tài nguyên du lịch vùng du lịch Bắc Bộ

2. Phân tích vai trò của các di sản văn hóa thế giới với sự phát triển du lịch của vùng du lịch Bắc Trung Bộ

3. Trình bày sản phẩm du lịch đặc trưng vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ

## KẾT LUẬN

So với du lịch của nhiều nước trên thế giới, du lịch Việt Nam mới chỉ đang bước những bước đầu tiên, có vị trí khiêm tốn so với các ngành kinh tế xã hội khác. Vị trí và vai trò của du lịch Việt Nam cũng rất khiêm tốn và nhỏ bé so với các nước trong khu vực và thế giới. Nhưng nó hứa hẹn tương lai tươi sáng, những triển vọng to lớn trong nền kinh tế quốc dân, đóng góp nguồn thu ngày càng cao cho ngân sách, giúp xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân, cũng như quảng bá hình ảnh của Việt Nam ra thế giới... Để phát triển du lịch, một trong những yêu cầu quan trọng nhất là phát triển nguồn nhân lực du lịch chuyên nghiệp, chất lượng cao, có kiến thức khoa học du lịch, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Địa lý du lịch Việt Nam là một bộ phận kiến thức trọng yếu trong những kiến thức đó.

Việt Nam là một quốc gia đa dạng về văn hóa do quá trình tiếp biến văn hóa khu vực và thế giới trong suốt hơn hai nghìn năm qua. Với vị trí là “ngã tư” của các cuộc giao lưu, tiếp xúc văn hóa Đông – Tây, Nam – Bắc, nên văn hóa Việt Nam mang nhiều yếu tố ngoại nhập được tiếp biến cho phù hợp với điều kiện của dân tộc. Đó là nét riêng của văn hóa Việt Nam, là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá để tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Tham gia vào quá trình khai thác và bảo vệ những nét riêng biệt văn hóa là nhiệm vụ rất quan trọng của ngành du lịch.

Địa lý du lịch Việt Nam cũng giúp cho người học có ý thức về những mối xung đột giữa bảo vệ văn hóa và phát triển kinh tế, tiếp cận với những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình hội nhập thế giới của thời đại toàn cầu hóa. Du lịch là lĩnh vực kinh tế hàng đầu của quá trình tiếp xúc, giao lưu, hội nhập ấy, cũng có nghĩa rằng nó phải đương đầu với những vấn đề nóng bỏng của sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Trong thời đại toàn cầu hóa, du lịch không chỉ đem lại lợi ích vật chất cho đất nước, tạo công ăn việc làm cho người dân, mà còn góp phần quan trọng vào giao lưu hợp tác, vào việc đưa hình ảnh quốc gia đến với bạn bè quốc tế. Trong tiến trình đó, những kiến thức về văn hóa du lịch góp phần nhất định vào việc nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực du lịch, để đưa du lịch Việt Nam từng bước tiên kịp các nền công nghiệp du lịch tiên tiến trong khu vực và thế giới.